

HỒ CHÍ MINH TOÀN TẬP

TẬP 4 (1945 -1946)



WWW.CPV.ORG.VN, 2006

TẬP 4 (1945 -1946)

- **Chú thích và bản chỉ dẫn tên người**
- **Hồ Chí Minh toàn tập tập 4**
- **Những thỏa thuận giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đô đốc Đắcgiăngliơ tại cuộc hội kiến trên vịnh Hạ Long ngày 24-3-1946**
- **Phụ khoản (Đính theo Hiệp định sơ bộ của Chính phủ Cộng hoà Pháp và Chính phủ Việt Nam)**
- **Hiệp định sơ bộ**
- **Quyết nghị của cuộc liên tịch Hội nghị các chính đảng ngày 23-2-1946**
- **Đoàn kết**
- **Mười bốn điều thoả thuận giữa Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội, Việt Nam Quốc dân đảng, Việt Minh (1)**
- **Tinh thành đoàn kết**
- **Bản ký kết ngày 19-11-1945 - Nguyên tắc chung tối cao của cuộc hợp tác giữa: Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội, Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Minh**
- **Thư gửi Thống chế Tưởng Giới Thạch**
- **Phụ lục:**
Những Sắc lệnh do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký trong thời gian từ 2-9-1945 đến 31-12-1946
- **Thư gửi anh em Hoa kiều**

- Một vài ý kiến về các Ủy ban kiến thiết, động viên dân chúng, tăng gia sản xuất, Ủy ban tản cư
- Thư gửi đồng bào nhân ngày lễ Thiên Chúa giáng sinh

Chú thích và bản chỉ dẫn tên người

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 13^h 31'

CHÚ THÍCH

1. *Tuyên ngôn Độc lập*: Ngày 2-9-1945, tại Vườn hoa Ba Đình (Hà Nội), thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người khởi thảo, tuyên bố trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới việc thủ tiêu chế độ thực dân phong kiến ở Việt Nam và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong văn kiện lịch sử này, sau khi tố cáo những tội ác tày trời của bọn thực dân và phong kiến tay sai trong gần một thế kỷ qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định những quyền dân tộc cơ bản của dân tộc Việt Nam và trình trọng tuyên bố với thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường bất khuất của dân tộc ta, *Tuyên ngôn Độc lập* là tác phẩm bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, là bản anh hùng ca mở đầu một kỷ nguyên mới của dân tộc - Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Tr.1.

2. *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ*: Trong cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Bắc Mỹ (1775-1781), các xứ thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc Đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống bọn thực dân Anh. Đại hội lần thứ hai họp ở Philađenphia năm 1775 đã cử ra một uỷ ban do Giépphécxơn làm Chủ tịch để thảo một bản nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do và độc lập, tách khỏi phạm vi quyền lực của Anh hoàng. Bản dự án nghị quyết này được đại biểu 13 bang thông qua ngày 4-7-1776 và trở thành Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ. Bản *Tuyên ngôn* này tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành lại độc lập,

tự do cho nhân dân Mỹ lúc bấy giờ. Sau khi giành được độc lập, giai cấp tư sản Mỹ lên nắm chính quyền đã phản bội quyền lợi của nhân dân, thi hành chính sách phân biệt chủng tộc, áp bức bóc lột nhân dân trong nước, đồng thời xâm lược các nước khác. Chúng đã thực hiện những thủ đoạn tàn bạo của chủ nghĩa thực dân cũ, áp dụng chính sách thâm độc và nham hiểm của chủ nghĩa thực dân mới, thống trị về mặt kinh tế và lũng đoạn về chính trị, nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới, chà đạp trắng trợn lên những nguyên tắc tự do, bình đẳng đã ghi trong *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ. Tr.1.

3. *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền*: Cuộc Cách mạng Pháp 1789 là cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình.

Sau khi nền quân chủ phong kiến bị lật đổ, giai cấp tư sản Pháp lên nắm chính quyền. Hội nghị lập hiến do chính quyền của giai cấp tư sản tổ chức đã thông qua một văn kiện có tính chất cương lĩnh - bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* nổi tiếng của cách mạng Pháp. Bản *Tuyên ngôn* này đã công khai thừa nhận các quyền tự do dân chủ như tự do thân thể, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng... Bản *Tuyên ngôn* cũng thừa nhận quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, quyền chống áp bức. *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp đã có ảnh hưởng lớn tới cuộc đấu tranh của nhân dân các nước đang chống chế độ phong kiến lúc bấy giờ.

Nhưng khi giai cấp tư sản đã giành được quyền thống trị, chúng đã phản bội lại các nguyên tắc tự do, bình đẳng, bác ái ghi trong *Tuyên ngôn*. Chúng ra sức áp bức bóc lột nhân dân trong nước và lợi dụng chiêu bài "khai hoá văn minh" để tiến hành chiến tranh xâm lược nhằm thống trị và nô dịch các thuộc địa, trong đó có nước Việt Nam ta. Tr.1.

4. *Đồng minh*: Liên minh các nước chống chủ nghĩa phát xít trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), hình thành vào cuối 1941 đầu 1942.

Tháng 1-1942, tại Oasinhton (Mỹ), 26 nước Đồng minh trong đó có Liên Xô (cũ), Anh, Mỹ ký chung vào bản *Tuyên ngôn* chống phát xít xâm lược và bảo đảm trong cuộc chiến tranh này không có sự giảng hoà riêng rẽ. Nhưng mục đích của việc ký *Tuyên ngôn* đó rất khác nhau. Liên Xô ký *Tuyên ngôn* này nhằm mục đích tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, khôi phục chế độ dân chủ ở châu Âu. Còn Mỹ và Anh ký *Tuyên ngôn* nhằm đánh bại thế lực của Đức và Nhật để xác lập quyền bá chủ thế giới. Về sau, các chính phủ Mỹ và Anh đã phản bội Đồng minh, phá hoại tất cả các điều khoản trong *Tuyên ngôn* đó. Tr.2.

5. *Việt Minh* (hay Mặt trận Việt Minh): Tên gọi tắt của *Việt Nam độc lập đồng minh*, được thành lập tại Pác Bó (Cao Bằng) ngày 19-5-1941, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941). Việt Minh gồm các thành viên là Đảng Cộng sản Đông Dương và các Hội cứu quốc như: Hội Công nhân cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Quân nhân cứu quốc, Hội Phụ lão cứu quốc, Hội Phật giáo cứu quốc, Hội Nhi đồng cứu quốc...

Việt Minh là một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị, các dân tộc, các tôn giáo yêu nước để chống kẻ thù chính của dân tộc ta lúc ấy là thực dân Pháp và phát xít Nhật. Mặt trận đã áp dụng chính sách mềm dẻo để tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được, phân hoá kẻ thù, cô lập cao độ kẻ thù chính nhằm tiêu diệt chúng, giành độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Mặt trận Việt Minh đã vận động toàn dân tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Để góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc họp từ ngày 3 đến ngày 7-3-1951 đã thống nhất hai tổ chức *Việt Nam độc lập đồng*

minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam thành Mặt trận Liên - Việt. Tr.2.

6. *Chính phủ lâm thời*: Túc Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, được thành lập theo quyết định của Quốc dân đại hội Tân Trào họp trong các ngày 16, 17, 18-8-1945.

Nghị quyết của Quốc dân đại hội ghi rõ: "Để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của chúng ta cho thắng lợi, Quốc dân đại hội quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam. Ủy ban này cũng như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam trước khi thành lập một chính phủ chính thức. Ủy ban này thay mặt quốc dân mà giao thiệp với các nước ngoài và duy trì mọi công việc trong nước". Về tổ chức, Ủy ban giải phóng có một ban thường trực gồm 5 uỷ viên, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngày 25-8-1945, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban giải phóng dân tộc được cải tổ thành *Chính phủ lâm thời* với sự tham gia của nhiều tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước, nhân sĩ tiến bộ. Nhiều uỷ viên Việt Minh trong Chính phủ tự nguyện nhường chỗ cho những người không phải Việt Minh. Sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá hành động cao cả đó như sau: "Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân". (*Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*). Tr.3.

7. *Hội nghị Têhêrăng*: Hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô (cũ), Anh, Mỹ họp từ ngày 28-11 đến ngày 1-12-1943, tại Têhêrăng (thủ đô Iran). Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua Nghị quyết bảo đảm nền hoà bình lâu dài trên thế giới sau chiến tranh, v.v.. Nhưng sau đó, các giới cầm quyền Mỹ và Anh đã thi hành không đầy đủ các điều khoản đã được ký kết trong Hội nghị này. Tr.3

8. *Hội nghị Cựu Kim Sơn*: Hội nghị của 50 nước do Liên Xô (cũ), Mỹ, Anh và Trung Quốc (Chính phủ Tưởng Giới Thạch) triệu tập,

họp tại Cựu Kim Sơn (Xan Phranxixcô) ở Mỹ từ ngày 25-4 đến 26-6-1945 để thông qua *Hiến chương Liên hợp quốc* và thành lập tổ chức *Liên hợp quốc*. Tại Hội nghị đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt chung quanh mục đích, tôn chỉ, những nguyên tắc hoạt động và bộ máy tổ chức của *Liên hợp quốc*. Ngày 26-6-1945, *Hiến chương Liên hợp quốc* đã được các nước thành viên tham dự ký kết và có hiệu lực kể từ ngày 24-10-1945. Tr.3.

9. Ngày 3-9-1945, Hội đồng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tình hình khẩn cấp, Hội nghị được tiến hành rất đơn giản, không có nghi thức. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày với các Bộ trưởng *Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*. Người đã nêu lên một cách súc tích 6 vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Đó là những vấn đề cấp bách nhất, thiết thực nhất mà chính quyền cách mạng vừa mới ra đời phải giải quyết trong hoàn cảnh đất nước còn chông chênh khó khăn và thiếu thốn do hậu quả của chế độ thực dân và phong kiến. Người cũng đã đưa ra kế hoạch và biện pháp để giải quyết các vấn đề đó. Sau khi nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày, các Bộ trưởng đã thảo luận và đều nhất trí tán thành những đề nghị của Người. Tr.7.

10. Sau khi giành được độc lập, Nhà nước Dân chủ Cộng hoà còn non trẻ chẳng những phải giải quyết những hậu quả về kinh tế, xã hội do bọn đế quốc phong kiến để lại, mà còn phải đối phó ngay với nạn ngoại xâm. Mượn tiếng Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, quân đội Anh đã che chở cho bọn thực dân Pháp trở lại đánh chiếm Nam Bộ. Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, quân đội Tưởng Giới Thạch kéo vào. Quân Tưởng đã đưa bọn Việt gian tay sai của chúng về nước, âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Trước tình hình đó, ngày 5 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi quốc dân* hãy bình tĩnh, tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ, đoàn kết nhất trí, chuẩn bị lực lượng về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, kiên quyết đấu tranh để bảo vệ nền độc

lập và thống nhất của đất nước. Trong hoàn cảnh hết sức phức tạp lúc bấy giờ, *Lời kêu gọi* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giúp nhân dân ta xác định rõ trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tr.11.

11. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chính quyền cách mạng gặp những khó khăn cực kỳ nghiêm trọng về tài chính. Để giải quyết những khó khăn đó, Chính phủ lâm thời đã chủ trương thành lập *Quỹ độc lập* và sau đó tổ chức *Tuần lễ Vàng*. *Tuần lễ Vàng* được tiến hành trong cả nước từ ngày 17-9 đến ngày 24-9-1945, nhằm động viên nhân dân quyên góp vàng ủng hộ chính quyền cách mạng. Ngày 17-9, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư gửi đồng bào cả nước, nêu rõ ý nghĩa to lớn của việc tổ chức *Tuần lễ Vàng* và kêu gọi mọi người tích cực tham gia. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với lòng nồng nàn yêu nước, nhân dân ta ở khắp nơi đã tích cực đóng góp tiền của cho chính quyền cách mạng. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân cả nước đã quyên góp được 20 triệu đồng và 370 kilôgam vàng. Sự hưởng ứng nhiệt liệt và tự nguyện ấy của nhân dân đã góp phần giải quyết những khó khăn về tài chính của đất nước lúc bấy giờ. Tr.17.

12. Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp được quân đội Anh giúp sức đã nổ súng đánh chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ tại Sài Gòn.

Ngay chiều hôm đó, dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Nam Bộ (của Đảng Cộng sản Đông Dương) và Ủy ban nhân dân Nam Bộ, nhân dân Sài Gòn đã tổng đình công, không hợp tác với giặc Pháp. Một vạn rưỡi tự vệ cùng nhân dân lập vật chướng ngại trên đường phố, đánh trả quyết liệt quân xâm lược, mở đầu cuộc kháng chiến của đồng bào Nam Bộ chống thực dân Pháp xâm lược. Việc quân Pháp đánh úp Nam Bộ đã làm cho nhân dân cả nước sôi sục căm thù. Các đội quân Nam tiến từ khắp các địa phương ở Bắc Bộ và Trung Bộ đã lên đường vào Nam đánh giặc, cứu nước. Ngày 26-9-1945, qua *Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã

gửi thư cho đồng bào Nam Bộ, khẳng định quyết tâm kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và nhân dân cả nước ta. Tr.27.

13. Do chính sách vơ vét của thực dân Pháp và phát xít Nhật, tháng 3-1945 nạn đói lớn đã xảy ra ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Trên 2 triệu đồng bào ta từ Quảng Bình trở ra đã bị chết đói. Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nạn đói vẫn chưa chấm dứt. Nhiệm vụ đặt ra cho Chính phủ và nhân dân ta là phải cứu đói và đẩy lùi nạn đói. Cùng với việc phát động phong trào tăng gia sản xuất, Chính phủ kêu gọi toàn dân nêu cao tinh thần đoàn kết tương trợ, đùm bọc lẫn nhau để vượt qua nạn đói. Tháng 9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào cả nước ra sức cứu đói. Người đề nghị đồng bào cả nước, và tự Người thực hành trước: *"Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo"*.

Tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước ta đã quyên góp được hàng vạn tấn gạo để giúp đỡ đồng bào nghèo đói. Tr.31.

14. Ngày 6-9-1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ban hành sắc lệnh thành lập *Nha bình dân học vụ* để cấp tốc xoá nạn mù chữ trong nhân dân. Ngày 4-10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài *Chống nạn thất học*. Người kêu gọi: *"Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo..."*.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào học chữ quốc ngữ diễn ra sôi nổi khắp cả nước. Chỉ trong một năm (từ 19-8-1945 đến 19-8-1946) riêng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã có hai triệu năm trăm nghìn người thoát nạn mù chữ. Tr.36.

15. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khi còn trứng nước, chính quyền dân chủ nhân dân của chúng ta đã phải đương đầu với muôn vàn khó khăn trở ngại. Để vượt qua những khó khăn, hoàn

thành những nhiệm vụ bức thiết của cách mạng, vấn đề đấu tranh để củng cố chính quyền cách mạng là vô cùng quan trọng.

Nhằm khắc phục những sai lầm khuyết điểm, nâng cao sức chiến đấu của chính quyền cách mạng các cấp, tháng 10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Thư gửi các Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*. Trong thư, Người chỉ rõ nghĩa vụ của chính quyền đối với nhân dân lao động: "... các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân". Người phê phán nghiêm khắc những thói xấu của một số cán bộ chính quyền đã mắc phải và kêu gọi những người cán bộ từ trung ương đến các làng nếu đã mắc lỗi lầm thì phải ra sức sửa chữa, nếu "*không phạm sai lầm*" "*thì nên chú ý tránh và gắng sức cho thêm tiến bộ*".

Bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần rất quan trọng vào việc củng cố chính quyền cách mạng, nâng cao lòng tin tưởng của quần chúng nhân dân đối với chính quyền mới. Tr.56.

16. *Cách mạng Tháng Tám* là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam bùng nổ thắng lợi vào tháng 8-1945. Từ năm 1930, Đảng ta mới ra đời đã vạch ra nhiệm vụ tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã liên tục phát động và lãnh đạo các cao trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939, 1939-1945. Đó là những cuộc tập dượt để tiến tới Cách mạng Tháng Tám 1945.

Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp ở Đông Dương. Đảng ta đã kịp thời đẩy lên cao trào chống Nhật cứu nước, chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 13-8-1945, được tin phát xít Nhật sắp đầu hàng Liên Xô và quân đội Đồng minh, ở nước ta bọn Nhật và bè lũ tay sai đã hoang mang cực độ, chóp nhanh thời cơ ấy, Đảng ta quyết định tổng khởi nghĩa và thiết lập chế độ dân chủ cộng hoà. Từ ngày 14 đến 28-8-1945, khởi nghĩa giành chính quyền đã thắng lợi khắp trong cả nước. Ngày 2-9-1945, tại Vườn hoa Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản

Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước nhân dân Việt Nam và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Đó là thắng lợi đầu tiên của chủ nghĩa Mác - Lênin ở một nước thuộc địa nửa phong kiến. Cách mạng đã đập tan xiềng xích của thực dân Pháp và phát xít Nhật, lật nhào chế độ quân chủ phong kiến thối nát trên đất nước ta, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam châu á. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đưa nước ta tới kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Tr.59.

17. Ngày 26-10-1945, nhân "Ngày hải quân Mỹ", Tổng thống Truman đã đọc một bài diễn văn nêu 12 điểm trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, gồm:

1- Hoa Kỳ không nghĩ tới một sự mở mang bờ cõi nào vì những mục đích ích kỷ; 2- Hoa Kỳ tin tưởng vào sự trở lại chủ quyền của hết thảy các dân tộc đã mất chủ quyền ấy bởi cường lực; 3- Hoa Kỳ không ủng hộ một sự thay đổi lãnh thổ nào mà không được chính các dân tộc đương sự thoả thuận; 4- Tất cả các dân tộc đương chuẩn bị tự trị được tự chọn lấy chính thể của họ; 5- Các nước bại trận sẽ được giúp đỡ để thành lập những chính phủ hoà bình dân chủ; 6- Không một chính phủ nào thành lập bằng sự áp bức, bằng vũ lực trên một dân tộc khác, lại sẽ được Hoa Kỳ thừa nhận cả ; 7- Hết thảy các nước đều được có quyền lợi ngang nhau trên những mặt biển, mặt sông khi những biển, những sông ấy đi qua nhiều nước; 8- Tất cả các nước được dự vào tổ chức Liên hợp quốc phải được bình đẳng trong việc thông thương; 9- Các nước ở Tây bán cầu sẽ được phép thảo luận về những vấn đề của họ không cần đến sự can thiệp của những nước khác; 10- Sự hợp tác kinh tế của hết thảy các nước sẽ rất cần thiết cho việc cải thiện những điều kiện sinh hoạt của thế giới; 11- Hoa Kỳ sẽ cố sức khuyến khích sự tự do ngôn luận và tự do tín ngưỡng trong khắp nơi trên hoàn cầu; 12- Sự duy trì hoà bình bắt buộc tổ chức Liên hợp quốc phải dùng tới sức mạnh, nếu cần. Nội dung những điểm nêu trên bộc lộ mâu

thuần giữa các nước đế quốc trong việc phân chia lại bản đồ thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phản ánh tham vọng của đế quốc Mỹ muốn đóng vai trò sen đầm quốc tế và xác định địa vị bá chủ thế giới. Trong thực tế, Mỹ đã không thực hiện những lời cam kết của mình. Ngay từ khi chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra, Đảng ta đã nhận định việc quân Đồng minh tiến vào nước ta là không thể tránh khỏi, và nhấn mạnh tuyệt đối đừng có ảo tưởng rằng quân Trung Quốc và quân Anh - Mỹ sẽ mang lại tự do cho ta, tuy nhiên, "trong cuộc chiến đấu giải phóng cho ta, ta phải kiếm bạn đồng minh đầu rằng tạm thời, bấp bênh, có điều kiện". Hội nghị toàn quốc của Đảng từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 chủ trương "chính sách chúng ta là phải tránh cái trường hợp: một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh (Trung Quốc, Pháp, Anh, Mỹ) tràn vào nước ta", do đó "Sự mâu thuẫn giữa hai phe Đồng minh Anh - Pháp và Mỹ - Trung Quốc về vấn đề Đông Dương là một điều ta cần lợi dụng". Mềm dẻo, tận dụng những cơ hội ít nhiều có lợi cho chính quyền còn non trẻ, khai thác triệt để những mâu thuẫn của kẻ thù là nghệ thuật lãnh đạo tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tr.82.

18. *Trận Trân Châu cảng*: Trận đánh mở đầu chiến tranh Thái Bình Dương trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Ngày 7-12-1941, Nhật không tuyên chiến bất ngờ tấn công hạm đội Mỹ ở cửa biển Trân Châu (Pearl Harbour), căn cứ quân sự của Mỹ ở quần đảo Haoai. Mỹ cho rằng Nhật sẽ tấn công Liên Xô nên thiếu sự đề phòng và đã bị thiệt hại nặng; năm trong tám thiết giáp hạm bị đánh đắm, ba chiếc còn lại hư hỏng nặng, mất 19 tàu chiến khác và 177 máy bay. Đây là sự kiện chưa từng có trong lịch sử chiến tranh hải quân. Hai ngày sau, ở ngoài khơi Malaixia, thiết giáp hạm *Prince of Wales* và tuần dương hạm *Repulse* của Anh cũng bị Nhật đánh đắm. Sau đó, phe Đức - Ý - Nhật đều tuyên chiến với Mỹ. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai lan ra khắp thế giới. Tr.83.

19. *Chiến tranh thế giới thứ hai* (1939 - 1945): Cuộc chiến tranh do bọn phát xít Đức, Italia, Nhật Bản gây ra với âm mưu chia lại

thị trường thế giới và tiêu diệt nước Nga Xôviết. Do tính chất của cuộc chiến tranh và âm mưu của các thế lực phát xít, cuộc chiến tranh nổ ra ở từng vùng có tính chất khác nhau. Từ tháng 9-1939 đến tháng 6-1941 là chiến tranh giữa nước Đức phát xít với các nước đế quốc; từ tháng 6-1941 đến tháng 8-1945, cuộc chiến tranh chủ yếu diễn ra trên mặt trận Xô - Đức và từ tháng 12-1941 đến tháng 9-1945, cuộc chiến tranh do phát xít Nhật gây ra ở châu á và Thái Bình Dương. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã cuốn hút 61 nước với 1.700 triệu người vào vòng chiến. Chiến sự xảy ra trên lãnh thổ của 40 nước. Hơn 60 triệu người bị chết và một khối lượng của cải vật chất khổng lồ bị chiến tranh tiêu huỷ. Kết quả của cuộc chiến tranh là sự thắng lợi của lực lượng các nước Đồng minh như Liên Xô, Mỹ, Anh, v.v. trong đó Liên Xô đóng vai trò quyết định. Các lực lượng phát xít đã bị tiêu diệt. Liên Xô không những đã giành thắng lợi vẻ vang trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại (1941 - 1945) mà còn trực tiếp giải phóng nhiều nước châu Âu, châu á. Tr.90.

20. *Hiến chương Đại Tây Dương*: Bản tuyên bố được ký kết giữa Tổng thống Mỹ Rudoven và Thủ tướng Anh Sôcsin ngày 14-8-1941, trên một chiến hạm ở Đại Tây Dương. Hiến chương Đại Tây Dương quy định một số "nguyên tắc chung về chính sách dân tộc", trong đó nói rằng phải tiêu diệt chế độ phát xít Hítler; thừa nhận quyền tự chủ của các dân tộc, trước hết là quyền lựa chọn chế độ chính trị và xã hội mà họ muốn; tước vũ khí của bọn xâm lược, v.v.. Trên thực tế, các Chính phủ này đều đã phản bội những điều họ đã cam kết. Tr.90.

21. *Hiến chương Cựu Kim Sơn*: Bản Hiến chương được ký tại Hội nghị đại biểu của 50 nước, do Liên Xô (cũ), Mỹ, Anh và Trung Quốc (Chính phủ Tưởng Giới Thạch) triệu tập, họp tại Cựu Kim Sơn (Xan Phranxixcô) ở Mỹ từ ngày 25-4 đến ngày 26-6-1945.

Hiến chương ghi rõ mục đích của Liên hợp quốc là giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế, ngăn ngừa và loại trừ những mối đe dọa

đối với hoà bình, chấm dứt chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, phát triển mối quan hệ thân thiện giữa các dân tộc và thực hiện sự hợp tác giữa các nước để giải quyết những vấn đề quốc tế; tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, tiếng nói và tín ngưỡng, tất cả các nước hội viên trong tổ chức này đều bình đẳng, không nước nào có quyền can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác. Nhưng những nguyên tắc được ký kết trên đều bị các nước đế quốc vi phạm hoặc không thi hành. Tr.90.

22. *Liên hợp quốc*: Là tổ chức quốc tế được thành lập tại Hội nghị Xan Phranxixcô (Mỹ), từ ngày 25-4 đến ngày 26-6-1945 trên cơ sở liên minh tự nguyện của các nước có chủ quyền, nhằm gìn giữ hoà bình và phát triển sự hợp tác giữa các nước. Theo Hiến chương Liên hợp quốc, nhiệm vụ của Liên hợp quốc là: gìn giữ hoà bình và an ninh bằng cách áp dụng những biện pháp chung nhằm ngăn ngừa và loại trừ những mối đe dọa đối với hoà bình và chống lại những hành động xâm lược; phát triển quan hệ thân thiện giữa các dân tộc và thực hiện sự hợp tác nhằm giải quyết những vấn đề quốc tế có tính chất kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo cũng như phát triển sự tôn trọng nhân quyền và quyền tự do căn bản của con người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, tiếng nói và tín ngưỡng. Liên hợp quốc thành lập theo nguyên tắc bình đẳng đối với tất cả mọi hội viên và không can thiệp vào công việc nội bộ của bất cứ nước nào. Những cơ quan chủ yếu của Liên hợp quốc là: Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng kinh tế và xã hội, Hội đồng quản thác, Toà án quốc tế và Ban thư ký. Năm 1977, nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam gia nhập tổ chức quốc tế này. Tr.97.

23. *Đoàn thể* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nói ở đây và trong các bài viết sau này như *Thư gửi các đồng chí Bắc Bộ*, *Thư gửi các đồng chí Trung Bộ*... tức là Đảng ta, vì lúc này Đảng đã tuyên bố "tự giải tán".

Sau Cách mạng Tháng Tám, từ đầu tháng 9-1945, 20 vạn quân Tưởng kéo vào miền Bắc nước ta tuy danh nghĩa là Đồng minh vào tước vũ khí quân đội Nhật, nhưng thực chất là âm mưu tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, bóp chết chính quyền cách mạng non trẻ, đưa bọn phản động vào và lập chính phủ bù nhìn làm tay sai cho chúng. ở miền Nam, núp dưới bóng quân Anh, thực dân Pháp đã nổ súng đánh chiếm Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ. Cách mạng Việt Nam đứng trước tình thế hết sức hiểm nghèo. Trong tình hình gay go phức tạp đó, Đảng ta đã chủ động đề ra những chủ trương và một số biện pháp nhằm hoà hoãn với quân Tưởng và tay sai, tranh thủ thời gian giải quyết những khó khăn cấp bách và tập trung lực lượng cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Ngày 11-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp và ra *Nghị quyết* về việc tuyên bố "tự giải tán" Đảng Cộng sản Đông Dương. Thông cáo của Hội nghị chỉ rõ việc tuyên bố Đảng "tự giải tán" là *"Để phá tan tất cả những điều hiểu lầm ở ngoài nước và ở trong nước có thể trở ngại cho tiền đồ giải phóng nước nhà"*. Những người muốn nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin "sẽ gia nhập Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương"¹. Đảng ta tuyên bố "tự giải tán" nhưng thực chất là Đảng rút vào hoạt động bí mật. Ngay trong *Chỉ thị Kháng chiến, kiến quốc*, Trung ương Đảng đã chỉ rõ: "Về Đảng, phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay công khai của Đảng, tuyển thêm đảng viên... Các tổ chức Đảng phải sinh hoạt cho đều và không vì lẽ gì để cho nó rời rạc, loạn choạc. Tổ chức các chi bộ trong các cơ quan hành chính hay trong các hội hợp pháp, củng cố đảng đoàn trong đó; thành lập chi bộ trong quân đội; phối hợp hoạt động bí mật với hoạt động công khai, điều hoà hai sự hoạt động ấy, coi công tác bí mật vẫn là gốc... Không để cho các cơ quan bí mật trở thành xung đột hay đối lập với các cơ quan công khai". Ngày 5-12-1945, kế tục tờ báo *Cờ giải phóng*, tờ báo *Sự thật*, Cơ quan trung ương của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương (tức tờ báo của Đảng Cộng sản Đông Dương lúc đó) được xuất bản. Như vậy, bằng việc công khai thành lập *Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác* và tờ báo *Sự thật* cùng các Chỉ thị, Nghị quyết

lúc đó, trên thực tế Đảng ta vẫn tiếp tục tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối chính sách của Đảng, giữ vững được mối liên hệ giữa Đảng và quần chúng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Tháng 2-1951, căn cứ vào tình hình và sự lớn mạnh về mọi mặt của ta trong cuộc kháng chiến, Đại hội lần thứ II của Đảng đã quyết định Đảng ra hoạt động công khai và lấy tên là *Đảng Lao động Việt Nam*, tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Tr.101.

24. *Chiến tranh thế giới thứ nhất* (1914-1918), nổ ra do hậu quả của cuộc khủng hoảng của hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới và cuộc đấu tranh giữa các nước đế quốc lớn nhằm chia lại thế giới và phạm vi ảnh hưởng của chúng. Đây là cuộc chiến tranh giữa hai phe đế quốc ở châu Âu. Nó đã lôi cuốn vào vòng chiến 33 nước, với số dân 1.500 triệu người. Trong cuộc chiến tranh này, 10 triệu người chết, 20 triệu người bị thương và tàn phế. Khi cuộc chiến tranh bước vào giai đoạn kết thúc (1917) thì đế quốc Mỹ nhảy vào vòng chiến và ra những điều kiện đình chiến theo kiểu Mỹ, với tham vọng làm bá chủ thế giới. Tháng 11-1917, cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới thắng lợi ở nước Nga. Nhà nước Xô viết đã thông qua *Sắc lệnh hoà bình* và đề nghị các nước tham gia ký hiệp định đình chiến nhằm tránh cho nhân loại khỏi tai hoạ do chiến tranh kéo dài. Song đề nghị đó không được các nước đế quốc ủng hộ. Mùa thu năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc với sự thất bại của Đức và các đồng minh của Đức, đã dẫn tới việc ký Hiệp ước đình chiến ở Cômpienhor (Pháp). Sau đó, hệ thống Vécxây thành lập, một hệ thống mang tính chất đế quốc chủ nghĩa, thù địch với nước Nga Xôviết, duy trì và phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Đức để làm lực lượng xung kích chống Liên Xô. Tr.105.

25. Từ đầu tháng 9-1945, với danh nghĩa là Đồng minh vào tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật Bản, 20 vạn quân Tưởng kéo vào miền Bắc nước ta, đem theo cả bọn Việt gian phản động về nước mưu

toan chống phá cách mạng, bóp chết chính quyền non trẻ của ta. Những phần tử phản động trong Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội ráo riết hoạt động, tập hợp các lực lượng phản động trong nước, tìm mọi cách phá hoại khối đoàn kết toàn dân, tiến công vào Chính phủ cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Để có điều kiện tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính là thực dân Pháp, hạn chế những hành động phá hoại của bọn phản động tay sai của quân đội Tưởng Giới Thạch, củng cố khối đoàn kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại biểu cho Việt Minh đã có những cuộc tiếp xúc với đại diện của Việt Nam Quốc dân đảng, Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội để bàn bạc thống nhất những nguyên tắc chung trong việc hợp tác (Bản ký kết ngày 19-11-1945) và những biện pháp bảo đảm sự đoàn kết (Bản cam kết ngày 24-11-1945). Bức thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh nhằm trả lời những yêu sách vô lý của Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội đòi một lần nữa cải tổ ngay Chính phủ lâm thời trước khi Tổng tuyển cử, nêu bật ý nghĩa của sự đoàn kết và thể hiện rõ thái độ thiện chí của chính quyền cách mạng. Tr.113.

26. Một trong những vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công là vận động nhân dân tăng gia sản xuất để đẩy lùi nạn đói và ổn định đời sống nhân dân. Theo đề nghị của Người, Hội đồng Chính phủ họp ngày 3-9-1945 đã quyết định phát động một chiến dịch tăng gia sản xuất và cứu đói. Tiếp đó, Chính phủ đã thực hiện một loạt các biện pháp để động viên và giúp đỡ đồng bào nông dân tích cực tăng gia sản xuất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết *Thư gửi nông gia Việt Nam* kêu gọi nông dân: *"Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!... Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập"*.

Thực hiện cuộc vận động lớn đó của Chính phủ, nhân dân cả nước đã tích cực sản xuất với khẩu hiệu "Tắc đất là tắc vàng". Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước cũng

trực tiếp tham gia sản xuất. Phong trào này đã thu được kết quả to lớn. Sản xuất nông nghiệp được khôi phục nhanh chóng và có mặt phát triển hơn trước. Nhờ vậy, nạn đói đã bị đẩy lùi, đời sống của nhân dân được nâng lên một bước. Tr.114.

27. *Chính phủ liên hiệp lâm thời*: Để hạn chế những hoạt động phá hoại của bọn phản cách mạng, cô lập chúng và tập trung mũi nhọn chống thực dân Pháp xâm lược, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương thành lập *Chính phủ liên hiệp lâm thời* có sự tham gia của một số phần tử trong Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội (đa số bọn này là tay sai của Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch), với điều kiện: Chính phủ này phải tổ chức tốt cuộc Tổng tuyển cử, thống nhất các lực lượng vũ trang và sẽ từ chức khi triệu tập Quốc dân đại hội. Ngày 1-1-1946, *Chính phủ liên hiệp lâm thời* do Người làm Chủ tịch đã làm lễ ra mắt tại nhà hát thành phố, trước 30.000 nhân dân Thủ đô Hà Nội. Thay mặt Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công bố danh sách Chính phủ mới và đường lối đối nội, đối ngoại của Chính phủ. Chính phủ liên hiệp lâm thời tồn tại từ ngày 1-1 đến ngày 2-3-1946. Trong thời gian đó, dưới sự lãnh đạo khéo léo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ đã dàn xếp ổn thỏa với quân đội Tưởng Giới Thạch; lãnh đạo và chỉ viện tích cực cuộc kháng chiến ở miền Nam; tổ chức thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử; phát hành giấy bạc Việt Nam, động viên toàn dân tăng gia sản xuất, đẩy lùi nạn đói. Tr.137.

28. Theo quyết định của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 6-1-1946, Chính phủ liên hiệp lâm thời đã tổ chức *Tổng tuyển cử* trong cả nước bầu Quốc hội đầu tiên của nước ta. Lần đầu tiên trong lịch sử, mọi người dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ, đều được hưởng quyền bầu cử và ứng cử. Cuộc bầu cử được tiến hành sôi nổi trong cả nước. Hơn 90% tổng số cử tri đã đi bỏ phiếu. Nhân dân cả nước đã bầu 333 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Những đại biểu của Mặt trận Việt Minh ra ứng cử được nhân

dân tín nhiệm tuyệt đối. Chủ tịch Hồ Chí Minh ứng cử ở Hà Nội và đã trúng cử với số phiếu cao nhất là 98,4%. Tổng tuyển cử thắng lợi là cuộc động viên chính trị rộng lớn, sâu sắc, biểu dương sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, quyết tâm bảo vệ và xây dựng chế độ mới, chế độ Dân chủ Cộng hoà. Nó đẩy lùi mọi âm mưu đen tối của các thế lực phản động định tiêu diệt cách mạng Việt Nam và tạo cơ sở pháp lý cho đấu tranh chính trị, ngoại giao của Chính phủ ta.

Lần đầu tiên trong lịch sử, nước ta có một Quốc hội dân chủ, tiến bộ. Tr.145.

29. *Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc*: Theo tinh thần bản *Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc*, thì kiến quốc là một trong hai nhiệm vụ cơ bản mà Đảng và Chính phủ ta đặc biệt quan tâm sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Đi đôi với việc tổ chức, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng và Chính phủ ta đã đề ra nhiều biện pháp quan trọng nhằm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Để giúp Chính phủ nghiên cứu và xây dựng một kế hoạch kiến thiết nước nhà, ngày 31-12-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập *Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc*. Ủy ban này gồm 41 thành viên đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chính phủ. Ủy ban có nhiệm vụ nghiên cứu một kế hoạch thiết thực để kiến thiết đất nước về mặt kinh tế, tài chính, hành chính, xã hội, văn hoá và nghiên cứu những dự án kiến thiết khác. Ngày 10-1-1946, Ủy ban họp phiên đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến nói chuyện với các thành viên của Ủy ban trong cuộc họp này. Tr.152.

30. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất chú trọng tới công tác vận động nhân dân xây dựng *đời sống mới* và coi đó là biện pháp có hiệu quả nhằm xoá bỏ những tàn dư lạc hậu do chế độ cũ để lại. Đó cũng là biện pháp từng bước giáo dục các tầng lớp nhân dân nhận thức được tính ưu việt của chế độ mới và trách nhiệm của mình đối với xã hội, nhận

thức được quyền làm chủ đất nước của nhân dân do cách mạng mang lại. Ngày 3-4-1946, Ủy ban vận động đời sống mới trung ương được thành lập nhằm đẩy mạnh hơn nữa cuộc vận động xây dựng đời sống mới trong toàn quân và toàn dân ta. Tr.167.

31. Sau khi thực hiện thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước, Đảng và Chính phủ ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương nhanh chóng triệu tập cuộc họp Quốc hội để đối phó kịp thời với tình hình mới. Sáng ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I đã họp kỳ thứ nhất tại Nhà hát thành phố Hà Nội. Gần 300 đại biểu Quốc hội của cả nước đã về dự kỳ họp (các đại biểu Nam Bộ vì bận công việc kháng chiến chưa ra kịp). Kỳ họp được tiến hành một cách khẩn trương và có kết quả. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc lời khai mạc và báo cáo công tác của Chính phủ liên hiệp lâm thời trước Quốc hội. Người vạch rõ ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Người nêu rõ những khó khăn và đề ra những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng nước ta và khẳng định: *"Quốc hội và Chính phủ còn có những gánh nặng nề, phải bước qua nhiều sự khó khăn, nhưng tôi chắc rằng quốc dân sẽ nhất trí, dựa vào sức đoàn kết mà làm việc, và như thế thì dù khó khăn đến đâu, kháng chiến sẽ thắng lợi và kiến quốc sẽ thành công"*.

Quốc hội đã hoàn toàn nhất trí với bản báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quốc hội đã trao cho Người thành lập Chính phủ mới, *Chính phủ liên hiệp kháng chiến* do Người làm Chủ tịch. Quốc hội đã bầu ra Ban thường trực, Tiểu ban dự thảo Hiến pháp, Kháng chiến uỷ viên hội và Đoàn cố vấn tối cao. Thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và thắng lợi của Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội là thành công lớn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lãnh đạo nhân dân ta xây dựng và củng cố chính quyền, đưa đất nước ta vượt qua những thử thách to lớn ban đầu, chuẩn bị điều kiện để tiến lên giai đoạn mới. Tr.189. 32. Để tập trung mũi nhọn vào kẻ thù chính là thực dân Pháp, và hạn chế những hành động phá hoại của bọn phản động tay sai của quân đội Tưởng Giới

Thạch, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã chủ trương mở rộng thành phần của Quốc hội khoá I. Người đề nghị Quốc hội cho phép 70 đại biểu của các đảng phái tay sai của Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch tham gia Quốc hội không qua bầu cử (gồm 20 người của Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội và 50 người của Việt Nam Quốc dân đảng). Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá I đã thông qua đề nghị này. Khi quân đội Tưởng Giới Thạch phải rút về nước, bọn tay sai cũng tháo chạy theo chúng. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc đó, chủ trương trên là đúng đắn, nó thể hiện sách lược khéo léo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta. Nó đã hạn chế và ngăn chặn được nhiều âm mưu phá hoại cách mạng nước ta của quân đội Tưởng Giới Thạch và bè lũ tay sai của chúng. Tr.189.

33. *Chính phủ kháng chiến*, còn gọi là *Chính phủ liên hiệp chính thức*, *Chính phủ liên hiệp kháng chiến*, được thành lập ngày 2-3-1946 tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, theo sự giới thiệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh và được Quốc hội nhất trí thông qua.

Chính phủ kháng chiến do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch gồm 10 bộ do đại biểu các đảng phái và không đảng phái, những trí thức và những người có danh vọng phụ trách. Tr.193.

34. *Hiệp định sơ bộ*: Ngày 28-2-1946, Chính phủ Tưởng Giới Thạch ở Trùng Khánh đã ký với Pháp một bản hiệp ước, cho quân Pháp vào thay thế quân Tưởng ở miền Bắc Đông Dương. Mặc dù vậy, bọn quân phiệt Tưởng đóng ở nước ta vẫn tiếp tục âm mưu phá hoại cách mạng Việt Nam, không chịu rút quân theo Hiệp ước Hoa - Pháp, hòng ép Chính phủ ta phải cải tổ để đưa bọn tay sai của chúng vào.

Để có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng đối phó với thực dân Pháp, đồng thời loại bớt cho cách mạng một kẻ thù nguy hiểm là bọn quân phiệt Tưởng Giới Thạch, ngày 3-3-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị *Tình hình và chủ trương*. Chỉ thị đã

nhận định một cách chính xác những âm mưu của thực dân Pháp và quân Tưởng trong việc ký Hiệp ước Hoa - Pháp, nhất là âm mưu che giấu bộ mặt xâm lược của thực dân Pháp. Chỉ thị nhấn mạnh "*... Nếu Pháp chủ trương cho Đông Dương tự trị theo bản tuyên ngôn 24-3-1945*", nghĩa là khôi phục lại chế độ thuộc địa ở Đông Dương "*Thì nhất định đánh, và có thể đánh lâu dài theo lối du kích*". Nhưng "*nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ*", nghĩa là công nhận quyền độc lập và hợp tác bình đẳng của ta "*thì có thể hoà*"¹.

Chỉ thị còn chỉ rõ: "*Vấn đề không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận định một cách khách quan những điều kiện lợi hại trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng*"².

Sau khi phân tích tình hình cách mạng và âm mưu của thực dân Pháp, Chỉ thị chỉ rõ: "*Điều cốt tử là trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta*"³.

Ngày 5-3-1946, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (mở rộng) đã nhất trí tán thành chủ trương *Hoà để tiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng.

Thực hiện chủ trương đó, ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với đại diện Chính phủ Pháp bản *Hiệp định sơ bộ*.

Nội dung cơ bản của bản Hiệp định sơ bộ là: Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam có Chính phủ, Nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Sự thống nhất đất nước sẽ do trưng cầu dân ý quyết định. Chính phủ ta đồng ý cho 15.000 quân Pháp được vào thay thế quân Tưởng rút về nước. Số quân đó phải đóng ở những nơi được quy định và phải rút khỏi Việt Nam

trong 5 năm, mỗi năm rút một phần năm quân số. Quân đội hai bên ngừng bắn và ở nguyên vị trí đóng quân.

Trong hoàn cảnh lịch sử lúc đó, việc ký kết *Hiệp định sơ bộ* là một biện pháp đúng đắn và sáng tạo. Nhờ đó chúng ta đã đuổi nhanh quân Tưởng về nước, giành thêm thời gian hoà bình để xây dựng và củng cố lực lượng về mọi mặt, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài. Đồng bào Nam Bộ đã khéo lợi dụng điều kiện đó để xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến. Tr.197.

35. Bức thư này viết sau khi Chính phủ ta đã ký với Chính phủ Pháp bản *Hiệp định sơ bộ* ngày 6-3-1946, loại trừ cho cách mạng nước ta một kẻ thù nguy hiểm là quân đội Tưởng Giới Thạch cùng bè lũ tay sai của chúng, tạo cơ hội tốt cho Chính phủ và nhân dân ta tranh thủ thời gian củng cố, phát triển lực lượng, chuẩn bị điều kiện cho cuộc kháng chiến lâu dài. Việc ký *Hiệp định sơ bộ* là một chủ trương rất đúng đắn của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh cách mạng nước ta lúc bấy giờ. Nhưng trong cán bộ và nhân dân ta còn có người chưa hiểu rõ điều đó, có khuynh hướng muốn đánh, không muốn hoà, vì họ không nhận thấy rõ lực lượng so sánh giữa ta và Pháp lúc đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư này vào Nam giải thích ý nghĩa thắng lợi của *Hiệp định* và kêu gọi nhân dân đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Chính phủ, tiến lên giành độc lập hoàn toàn và thống nhất đất nước. Tr.199.

36. Để đập tan âm mưu chia rẽ dân tộc và lập các xứ "tự trị" của thực dân Pháp, theo chủ trương đoàn kết dân tộc của Đảng, ngày 19-4-1946, các dân tộc thiểu số ở miền Nam Việt Nam đã họp Đại hội tại Plây Cu. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và Chính phủ đã gửi thư đến Đại hội. Người nêu cao tinh thần đoàn kết của đồng bào các dân tộc và vạch rõ những âm mưu thâm độc của thực dân Pháp hòng chia rẽ khối đoàn kết toàn dân của nhân dân ta. Người căn dặn đồng bào các dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết đấu tranh đập tan những âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp, góp phần bảo vệ chính quyền, giữ gìn nền độc lập của Tổ

quốc. Người chỉ rõ: "*Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta*". Tr.217.

37. Ngày 1-5-1886, hơn 80.000 công nhân thành phố Sicagô (Mỹ) đấu tranh bãi công đòi bọn chủ tăng tiền lương, giảm giờ làm, cải thiện đời sống, v.v.. Giai cấp tư sản không chịu giải quyết yêu sách đó, lại tiến hành sa thải những người lãnh đạo bãi công. Cuộc đấu tranh bùng nổ gay gắt dẫn đến những vụ xung đột đẫm máu. Mặc dù bị đàn áp, tinh thần đấu tranh của công nhân Sicagô được công nhân thế giới khâm phục. Đại hội lần thứ nhất (1889) của Quốc tế thứ hai đã quyết nghị lấy ngày 1-5 hàng năm làm ngày đoàn kết và biểu dương lực lượng của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới - *Ngày Quốc tế lao động*. Tr.219.

38. *Hội nghị trù bị Đà Lạt*: Trước sức đấu tranh kiên quyết của nhân dân và Chính phủ ta, thực dân Pháp buộc phải nhận hợp hội nghị trù bị để chuẩn bị cho cuộc đàm phán chính thức ở Pari. Hội nghị đã họp từ ngày 17-4 đến ngày 12-5-1946, tại Đà Lạt.

Đoàn đại biểu Chính phủ ta do đồng chí Võ Nguyên Giáp dẫn đầu.

Đoàn đại biểu Chính phủ Pháp do Mác Ăngđrê cầm đầu.

Hội nghị trù bị Đà Lạt đã thảo luận những vấn đề về mối liên lạc ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài; về chế độ tương lai của Đông Dương và những vấn đề về quan hệ kinh tế, văn hoá giữa Pháp và Việt Nam. Do lập trường thực dân phản động và thái độ ngoan cố hiếu chiến của phái đoàn Pháp, Hội nghị đã bế tắc ngay từ đầu. Các vấn đề cụ thể thảo luận trong Hội nghị đều không đưa đến một sự thoả thuận nào. Thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn hòng lập lại nền thống trị cũ của chúng ở Việt Nam. Chúng khẳng khái đòi lập lại chế độ toàn quyền Pháp ở Đông Dương, tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam và tước bỏ quyền ngoại giao độc lập của ta. Đoàn đại biểu ta đã tích cực đấu tranh vạch trần âm mưu

của thực dân Pháp, đồng thời kiên quyết giữ vững lập trường hoà bình, độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc; thân thiện với nhân dân Pháp trên nguyên tắc bình đẳng, không xâm phạm chủ quyền của nhau. Thay mặt Đoàn đại biểu Chính phủ ta, đồng chí Võ Nguyên Giáp khẳng định: "Chúng tôi tuyên bố kết liễu chế độ các vị toàn quyền". Tr.233.

39. *Liên hiệp Pháp* (Union Francaise): Do Pháp lập ra đầu năm 1946 nhằm tập hợp và duy trì ảnh hưởng của Pháp ở các thuộc địa cũ. Liên hiệp Pháp bao gồm nước Pháp, đất thuộc Pháp ở hải ngoại (Territoires d'outremer) và các quốc gia liên kết với Pháp (Etats associés). Để tỏ thiện chí, đầu năm 1946, ta đồng ý tham gia Liên hiệp Pháp trên cơ sở Pháp công nhận nền độc lập và thống nhất của ta. Lập trường của Việt Nam trong vấn đề này là: với tư cách một nước liên kết trong khối, Việt Nam chịu sự ràng buộc theo quy ước chứ không phải theo hiến pháp, không cần phải có đại biểu trong Hội đồng liên bang nhưng phải có đặc sứ ở Pháp; Việt Nam có thể nhận cổ vấn Pháp, nhưng không thể bị bắt buộc nhận họ ở tất cả các ngành hoạt động quốc gia; Việt Nam có quyền gửi thẳng sứ thần ra nước ngoài, cũng có thể nhờ Pháp thay mặt ngoại giao với một số nước nhất định, có quyền gia nhập Liên hợp quốc, ký kết những hiệp ước liên minh với các nước miễn là không nhằm mục đích chống lại Pháp; về kinh tế, Việt Nam tiêu thụ hàng hoá của Pháp, cung cấp nguyên liệu cho Pháp, đồng thời Pháp phải cung cấp máy móc, dụng cụ, giúp đỡ phát triển kỹ nghệ cho Việt Nam, v.v.. Nước Pháp đã không chấp nhận Việt Nam tham gia khối Liên hiệp Pháp. Đến năm 1958, tổ chức này cũng không còn tồn tại nữa. Tr.266.

40. *Cuộc cách mạng tư sản Pháp (1789-1794)*: Cuộc cách mạng tiêu diệt chế độ phong kiến chuyên chế, dọn đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Pháp và một số nước khác ở châu Âu.

Do những mâu thuẫn xã hội hết sức gay gắt và sự suy yếu của chế độ phong kiến ở Pháp, ngày 14-7-1789, quần chúng nhân dân Pari

đã nổi dậy khởi nghĩa, phá ngục Baxti, nơi tượng trưng cho chế độ chuyên chế độc tài, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ chuyên chế phong kiến ở Pháp. Sau những cuộc đấu tranh quyết liệt trong nội bộ, được sự ủng hộ của nhân dân, Hội nghị quốc ước (Quốc hội) do bầu cử ra đã được triệu tập và phái Giacôbanh do M. Rôbexpie đứng đầu, đã lên nắm chính quyền (tháng 6-1793), thiết lập nền chuyên chính dân chủ cách mạng. Những người Giacôbanh đã lãnh đạo nhân dân đập tan những cuộc nổi loạn phản cách mạng; đánh bại cuộc chiến tranh can thiệp của bọn phản động áo, Phổ được sự ủng hộ của Anh, Hà Lan và Tây Ban Nha; tiến hành những cải cách dân chủ, chia ruộng đất cho nông dân, thông qua Hiến pháp mới và tuyên bố nước Pháp là một nước Cộng hoà. Nhưng cuối cùng, nền chuyên chính Giacôbanh đã không tồn tại được lâu. Giai cấp đại tư sản đã cướp đoạt thành quả của cuộc cách mạng, lật đổ những người Giacôbanh. Cuộc cách mạng 1789-1794 ở Pháp là một cuộc cách mạng tư sản mà nhân dân là động lực chủ yếu. Cuộc cách mạng đó đã thủ tiêu chế độ phong kiến, phát huy ảnh hưởng to lớn đối với các nước châu Âu, thúc đẩy nhân dân các nước nổi dậy lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế lỗi thời. Tr.267.

41. *Hội nghị Phôngtennoblô*: Hội nghị giải quyết vấn đề quan hệ Việt - Pháp, họp từ tháng 6 đến tháng 9-1946, tại Phôngtennoblô (Pháp). Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu. Đoàn đại biểu Chính phủ Pháp do Mắc Ăngđrê cầm đầu. Hội nghị này nhằm giải quyết các mối quan hệ giữa Việt Nam và Pháp. Song do thái độ ngoan cố của bọn thực dân Pháp muốn duy trì chế độ thực dân ở Đông Dương, bắt nhân dân các nước Đông Dương trở lại làm nô lệ cho chúng lần nữa và chia cắt nước Việt Nam, cho nên các vấn đề về quan hệ giữa Việt Nam và Pháp đưa ra hội nghị đã bế tắc và không đi đến kết quả. Sau khi kịch liệt phản đối lập trường hết sức phản động của phía Pháp tại hội nghị, ngày 13-9-1946, Đoàn đại biểu Chính phủ ta đã lên đường về nước. Hội nghị Phôngtennoblô bị bỏ dở, không đạt được mục đích là ký một hiệp ước chính thức giữa ta và Pháp. Nhưng hội nghị đã làm cho dư luận quốc tế chú ý đến Việt Nam và hiểu được nguyện

vọng tha thiết của dân tộc Việt Nam là độc lập và thống nhất.
Tr.267.

42. *Tạm ước 14-9*: Sau khi Hội nghị Phôngtennoblô không đi đến kết quả, để kéo dài thêm thời gian hoà hoãn và để tỏ thiện chí của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc đó đang có mặt ở Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, đã tranh thủ dàn xếp ký với Chính phủ Pháp bản *Tạm ước ngày 14-9-1946*, tại Pari. Nội dung của Tạm ước là sự thoả thuận tạm thời giữa ta và Pháp về một số vấn đề bức thiết có tính chất bộ phận: Chính phủ Pháp thi hành các quyền tự do, dân chủ và ngừng bắn ở Nam Bộ. Chính phủ ta nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá của Pháp ở Việt Nam.

Tạm ước 14-9 là một sách lược ngoại giao tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhằm làm cho nhân dân ta có thêm thời gian để chuẩn bị lực lượng tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược. Tr.293.

43. Do sách lược của Đảng ta và của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối phó với quân đội Tưởng Giới Thạch, chúng ta đã cho phép bọn tay sai của Tưởng tham gia Chính phủ liên hiệp lâm thời (tháng 1-1946) và Chính phủ liên hiệp chính thức (tháng 3-1946). Sau *Hiệp định sơ bộ* ngày 6-3, bọn phản động bỏ chạy theo quân đội Tưởng Giới Thạch sang Trung Quốc. Tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Quốc hội đã uỷ nhiệm cho Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập một Chính phủ mới - một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài, không phân đảng phái; một Chính phủ vì dân, kiên quyết phấn đấu cho độc lập và thống nhất của Tổ quốc; một Chính phủ mà trong đó không có các phần tử phản cách mạng tham gia. Ngày 3-11-1946, sau khi thành lập Chính phủ mới theo đúng tinh thần mà Quốc hội đề ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Lời tuyên bố* trước Quốc hội. Tr.430.

44. Trước những hành động khiêu khích, lấn chiếm của bọn thực dân hiếu chiến Pháp, đoán trước được cuộc chiến tranh xâm lược

của thực dân Pháp sắp lan rộng ra cả nước, ngày 5-11-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bản chỉ thị quan trọng *Công việc khẩn cấp bây giờ*. Người chỉ thị cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tăng cường đoàn kết, ra sức đẩy mạnh công cuộc kháng chiến trên các mặt: quân sự, chính trị, kinh tế, giao thông v.v. để sẵn sàng đối phó khi thực dân Pháp cố tình gây ra chiến tranh. Chỉ thị *Công việc khẩn cấp bây giờ* cùng với các văn kiện của Đảng ta trong thời kỳ này, đã đặt cơ sở vững chắc cho đường lối kháng chiến sau này. Tr.432.

45. *Cách mạng Tháng Mười Nga*: Cuộc cách mạng vô sản thắng lợi đầu tiên trên thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích Nga đứng đầu là V.I. Lênin, ngày 7-11 (tức ngày 25 tháng Mười, theo lịch Nga)-1917, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga đã vùng dậy lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản, thành lập Chính phủ Xôviết do Lênin làm Chủ tịch. Giai cấp công nhân Nga đã đập tan bộ máy thống trị của các giai cấp bóc lột, lập nên nhà nước kiểu mới - Chính quyền Xôviết, một hình thức của chuyên chính vô sản. Từ đó nước Nga Xôviết vững bước tiến lên xây dựng thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh.

Cách mạng Tháng Mười thắng lợi đã mở đầu một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Cách mạng Tháng Mười đã thức tỉnh giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân bị áp bức, soi sáng con đường cho các dân tộc bị nô dịch đi tới cách mạng giải phóng và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tr.439.

46. *Kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà* họp từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946, tại Nhà hát thành phố Hà Nội. Tham dự kỳ họp có 300 đại biểu các tỉnh, thành.

Quốc hội đã nghe báo cáo công tác của Chính phủ, thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước ta và thành lập Chính phủ mới.

Đồng chí Tôn Đức Thắng, đại biểu Nam Bộ, được bầu làm Trưởng đoàn Chủ tịch kỳ họp. Theo đề nghị của đoàn đại biểu Nam Bộ, toàn thể Quốc hội đã nhất trí bày tỏ lòng tin tưởng tuyệt đối của nhân dân cả nước đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và suy tôn Người là *Người công dân thứ nhất đã sáng suốt đưa nước nhà ra khỏi vòng nô lệ*.

Quốc hội đã nghe đại diện Chính phủ báo cáo công tác của Chính phủ; nghe đồng chí Phạm Văn Đồng báo cáo hoạt động của Đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị Phôngtennơblô và việc ký kết Tạm ước 14-9. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời các câu hỏi của các đại biểu về chính sách ngoại giao của Chính phủ.

Quốc hội đã uỷ nhiệm cho Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức một Chính phủ mới, một Chính phủ không có bọn phản động tham gia. Quốc hội đã thảo luận một cách dân chủ bản dự thảo Hiến pháp do Ủy ban dự thảo Hiến pháp trình bày. Ngày 9-11-1946, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong phiên họp bế mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến nêu rõ ý nghĩa trọng đại của bản Hiến pháp lịch sử này. Tr.440.

47. Song song với việc chuẩn bị tổ chức cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, theo Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời, ngày 20-9-1945, một Ủy ban dự thảo Hiến pháp đã được thành lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì.

Sau một thời gian làm việc khẩn trương, tháng 10-1946, bản *Dự thảo Hiến pháp* đã được hoàn thành. Tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã nghe Ủy ban dự thảo Hiến pháp trình bày bản Dự thảo. Sau khi thảo luận một cách dân chủ, ngày 9-11-1946, bản Dự thảo Hiến pháp đã được Quốc hội thông qua. Nội dung bản Hiến pháp gồm *Lời nói đầu* và 70 điều được phân thành 7 chương, quy định chính thể, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân, cơ cấu của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp, Cơ quan tư pháp và quy định

việc sửa đổi Hiến pháp. Việc công bố Hiến pháp có một ý nghĩa to lớn. Đó chẳng những là bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta, mà còn là bản Hiến pháp dân chủ tiến bộ nhất ở Đông - Nam châu á lúc bấy giờ. Tr.440

48. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*: Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân ta cần hoà bình để xây dựng nước nhà và củng cố lực lượng về mọi mặt, cho nên đã nhân nhượng với thực dân Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp *Hiệp định sơ bộ* ngày 6-3-1946 và *Tạm ước* ngày 14-9-1946. Nhưng thực dân Pháp vẫn cố tình cướp nước ta lần nữa. Trước những hoạt động xâm lược trắng trợn của thực dân Pháp, đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến từ cục bộ đã lan ra khắp cả nước. Ngày 20-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*. Trong văn kiện này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch trần dã tâm xâm lược của thực dân Pháp, nêu lên ý chí sắt đá, quyết kháng chiến đến cùng của dân tộc ta. Đồng thời, Người nêu lên những nét cơ bản về đường lối của cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, và khẳng định cuộc kháng chiến nhất định thắng lợi. Tr.480.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

B

BIĐÔN G. (Georges Bidault) (1899-1983), Chủ tịch Hội đồng kháng chiến quốc gia Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nghị sĩ Quốc hội Pháp (1946-1962), Thủ tướng Chính phủ Pháp (1946-1949, 1950). Trưởng đoàn Pháp tại Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương năm 1954.

BLUM L. (Léon Blum) (1872-1950), nhà văn, nhà hoạt động chính trị Pháp. Năm 1902, gia nhập Đảng Xã hội Pháp. Thủ tướng Pháp các thời kỳ: từ tháng 6-1936 đến tháng 6-1937, từ tháng 3 đến tháng 4-1938 và từ tháng 12-1946 đến tháng 1-1947.

BỒ XUÂN LUẬT (1907-1994), quê Tiên Lữ, Hưng Yên (nay thuộc Hải Hưng). Trước Cách mạng Tháng Tám, từng hoạt động ở Trung Quốc, thuộc phái trung lập trong Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội. Trong Chính phủ liên hiệp chính thức (tháng 3-1946), ông được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Canh nông rồi Bộ trưởng không bộ. Là đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá IV, Ủy viên thường trực Ủy ban Liên - Việt toàn quốc, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các khoá I, II, III.

BÙI BẰNG ĐOÀN (1886-1955), nhân sĩ, quê ứng Hoà, Hà Đông (nay thuộc Hà Tây) đỗ cử nhân năm 1906. Năm 1911, là Tri huyện rồi Tuần phủ Ninh Bình. Năm 1933, làm Thượng thư Bộ hình. Tháng 3-1945, Nhật đảo chính Pháp, ông về sống ẩn dật ở Hà Đông. Sau Cách mạng Tháng Tám, là thành viên trong Ban Cố vấn cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại biểu Quốc hội khoá I. Ông được cử vào Ban Thường trực Quốc hội, làm Phó trưởng ban rồi Trưởng ban Thường trực Quốc hội cho đến khi tạ thế.

C

CHU BÁ PHƯƠNG: Người của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hoạt động ở Trung Quốc. Tháng 9-1945 theo quân đội Tưởng Giới Thạch về nước. Tháng 3-1946, được bổ sung vào Quốc hội không qua bầu cử và với tư cách là đại biểu của Việt Nam Quốc dân đảng, được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Kinh tế trong Chính phủ liên hiệp chính thức (3-1946).

D

DƯƠNG ĐỨC HIỀN (1916-1963): Trí thức cách mạng, quê huyện Gia Lâm, Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp Đại học Luật khoa ở Hà Nội (1940), hành nghề dạy học tư để hoạt động cách mạng. Đảng Cộng sản Đông Dương đã chú ý đến những hoạt động yêu nước của nhóm thanh niên Dương Đức Hiền và đã giúp đỡ ông đứng ra thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam (30-6-1944).

Cách mạng Tháng Tám thành công, ông được cử làm Bộ trưởng Bộ Thanh niên trong Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, là đại biểu Quốc hội khoá I, khoá II, Ủy viên thường trực Quốc hội, Ủy viên Tổng bộ Việt Minh, Tổng thư ký Hội Liên Việt, Phó chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Liên Việt. Tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ hai, được cử vào Ban thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đ

ĐÁC GIĂNG LIƠ G.T. (Georges Thierry d' Argenlieu) (1889-1964): Chuẩn đô đốc rồi Đô đốc hải quân Pháp, Cao uỷ Pháp ở Đông Dương (1945- 1947).

ĐẶNG THAI MAI (1902-1984): Nhà nghiên cứu văn học, quê Thanh Chương, Nghệ An. Sau khi tốt nghiệp Trường cao đẳng Sư phạm Đông Dương tại Hà Nội, ông vào dạy học ở trường Quốc học Huế, tham gia Đảng Tân Việt, bị bắt và bị kết án tù treo. Mãn hạn, ra Hà Nội tham gia lập trường tư thục Thăng Long. Vừa dạy học, vừa viết báo, ông là một trong những người sáng lập phong trào truyền bá quốc ngữ.

Sau Cách mạng Tháng Tám, ông đã giữ nhiều chức vụ: Bộ trưởng Bộ Giáo dục Chính phủ liên hiệp kháng chiến (1946), sau đó là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thanh Hoá.

Hoà bình lập lại (1954), ông tiếp tục đảm nhiệm nhiều cương vị quan trọng trên mặt trận giáo dục và văn hoá: Giám đốc Đại học Sư phạm Văn khoa, Chủ nhiệm khoa Văn Trường Đại học Tổng hợp và Đại học Sư phạm, Viện trưởng Viện Văn học Việt Nam, Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam.

Ông là đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá V.

ĐỜ GÔN S. (Charles de Gaulle) (1890-1970): Đứng đầu Chính phủ kháng chiến Pháp đóng ở Angiêri và Chính phủ lâm thời Pháp

ở Pari (1944-1946). Tự rút lui khỏi chính trường năm 1946. Tổng thống Pháp (1959-1969) và từ chức năm 1969.

DUME P. (Paul Doumer) (1857-1932): Nhà hoạt động chính trị Pháp. Toàn quyền Đông Dương từ 1896 đến 1902. Từng là Bộ trưởng Bộ Tài chính Pháp, Chủ tịch Quốc hội Pháp (1927), Tổng thống Pháp (1931). Năm 1932 chết vì bị ám sát.

G

GĂNGĐI MÔHANĐAT KARAMSAN (Gandhi Mohandas Karamchan) (1869-1948): nhà triết học, nhà văn, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc ấn Độ. Để chống lại thực dân Anh, giành độc lập dân tộc, Găngđi chủ trương không dùng bạo lực và không coi bạo lực là phương thức đấu tranh chính trị. Trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở ấn Độ (1919-1922), Găngđi trở thành lãnh tụ của Đảng Quốc đại và giữ vai trò quan trọng trong việc biến Đảng này thành một tổ chức quần chúng chống đế quốc. Học thuyết đề kháng tiêu cực của ông trở thành tư tưởng chính của Đảng Quốc đại trong cuộc đấu tranh cho nền độc lập ấn Độ. Năm 1946, ông tuyên bố là không nhất thiết chỉ dùng phương pháp đấu tranh không bạo lực. Găngđi có ảnh hưởng và uy tín lớn ở ấn Độ. Nhân dân ấn Độ suy tôn ông là Mahátma nghĩa là "Tâm hồn vĩ đại". Năm 1948, ông bị bọn phản động ám sát.

GIOĂNG A. (Alphonse Juin) (1888-1967): Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tại Italia năm 1943-1944, Công sứ toàn quyền Pháp ở Maroc (1947-1951), được phong Thống chế năm 1952.

H

HÀ ỨNG KHÂM (1890-1987): Người tỉnh Quý Châu, Trung Quốc. Năm 1908, học quân sự ở Nhật. Năm 1924, là Thiếu tướng Tổng giáo quan, Đoàn trưởng đoàn huấn luyện, Chủ nhiệm Ban huấn luyện Trường quân sự Hoàng Phố. Sau năm 1930 làm Bộ

trưởng Quân chính. Năm 1944, làm Tổng tư lệnh lục quân. Ngày 1-10-1945, được Tưởng Giới Thạch uỷ nhiệm sang Hà Nội thị sát tình hình tiếp nhận sự đầu hàng của Nhật Bản. Năm 1949, là Viện trưởng Viện hành chính Quốc dân đảng. Sau đó, chạy ra Đài Loan, giữ chức Chủ tịch Hội đồng cố vấn chiến lược của Chính phủ Quốc dân đảng Đài Loan.

HOÀNG HOA THÁM (tức Đề Thám) (1862-1913): Lãnh tụ phong trào khởi nghĩa chống thực dân Pháp của nông dân Yên Thế (Hà Bắc) - một phong trào đấu tranh yêu nước quyết liệt và bền bỉ của nông dân Việt Nam. Đề Thám trở thành thủ lĩnh của nghĩa quân từ năm 1885. Dưới sự lãnh đạo của ông, nghĩa quân đã gây cho giặc Pháp rất nhiều tổn thất và làm cho chúng phải lo sợ. Ông bị bọn tay sai của thực dân Pháp ám hại năm 1913.

HOÀNG QUỐC VIỆT (1905-1992): Tên chính là Hạ Bá Cang, quê Đáp Cầu, Võ Giàng, Hà Bắc. Tham gia cách mạng từ năm 1925 và gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội năm 1928. Năm 1930, là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1937, là Thường vụ Xứ uỷ Bắc Kỳ. Năm 1941, là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, năm 1945, là Ủy viên Thường vụ Trung ương. Từ năm 1951 đến năm 1957, là Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam và là Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam. Năm 1960, là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Năm 1976, được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1977, ông được bầu làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

HUỲNH THỨC KHÁNG (1876-1947): Nhân sĩ yêu nước, sinh ở làng Thạch Bình, tổng Tiên Phước Thượng (nay là huyện Tiên Phước), tỉnh Quảng Nam. Đỗ Giải nguyên năm 1900 và đỗ Hoàng Giáp năm 1904. Vì cùng các ông Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp tuyên truyền thuyết Duy tân, ông bị Pháp bắt và đày đi Côn Đảo 13

năm (1908-1921). Năm 1926, được bầu làm Viện trưởng Viện dân biểu Trung Kỳ, nhưng do chống lại Khâm sứ Pháp nên ông từ chức và sáng lập ra tờ báo *Tiếng Dân* ở Huế (1927-1943). Sau Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời ông tham gia Chính phủ liên hiệp kháng chiến với cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đi Pháp năm 1946, ông được trao Quyền Chủ tịch nước. Ông là một sáng lập viên và là Hội trưởng Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt). Năm 1947, ông lâm bệnh mất tại Quảng Ngãi trên đường công tác ở miền Trung.

K

KHÔNG TỬ (551-479 tr CN): Nhà tư tưởng, nhà giáo dục nổi tiếng của nước Trung Quốc cổ đại. Không Tử còn gọi là Không Phu Tử, tên thật là Không Khâu, tên chữ là Không Trọng Ni, người nước Lỗ thời Xuân Thu. Thuở nhỏ nhà nghèo nhưng rất ham học, sau tuổi 30 mới bắt đầu lập nghiệp, vừa dạy học, vừa tham gia chính sự, từng làm quan nước Lỗ, rồi chu du qua nhiều nước chư hầu, nhưng đều không có cơ hội thực hiện lý tưởng chính trị của ông.

Không giáo, hay còn gọi là Nho giáo, do ông đề xướng vào thời Xuân Thu, được hoàn chỉnh và bổ sung qua nhiều thời kỳ và bởi nhiều nhân vật như Mạnh Tử, Đổng Trọng Thư, Trình Hạo, Chu Hy, Vương Dương Minh... Dưới thời Hán Vũ Đế (139 tr CN), Không giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn của giai cấp thống trị phong kiến Trung Quốc.

Không giáo chủ trương xây dựng xã hội Trung Quốc về chính trị, xã hội, đạo đức theo Tam cương (quân thần, phu phụ, phụ tử) và Ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), vua phải là "minh quân" còn bề tôi phải phấn đấu theo đạo "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" để trở thành người "quân tử". Tư tưởng của Không Tử về cơ bản thể hiện rõ trong cuốn *Luận ngữ*.

Suốt hơn 20 thế kỷ qua, Khổng giáo đã trở thành hệ tư tưởng, lý luận và một đạo giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt đời sống của xã hội Trung Quốc và nhiều nước châu á.

L

LÊ HỮU TỪ: Giám mục địa phận Bùi Chu - Phát Diệm (Ninh Bình). Sau Cách mạng Tháng Tám được cử vào Ban Cố vấn Chính phủ. Lợi dụng danh nghĩa đó, Lê Hữu Từ đã vận động giáo dân lập Giáo khu tự trị Bùi Chu - Phát Diệm. Theo yêu cầu của Lê Hữu Từ, ngày 16-10-1949, quân Pháp nhảy dù xuống Phát Diệm và đổ bộ lên Bùi Chu, chiếm đóng trung tâm công giáo ở đồng bằng Bắc Bộ. Năm 1954, Lê Hữu Từ vào Nam và tiếp tục hoạt động chống lại Tổ quốc.

LOCLÉC P.M. (tức Philippe Marie de Hautecloque): (1902-1947), Đại tướng Pháp, tham gia phong trào kháng chiến Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Năm 1944, Locléc đổ bộ lên Noóc măng đơ. Năm 1945, Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương (8-1945 - 6-1946), nhân danh nước Pháp ký văn bản đầu hàng của Nhật. Năm 1946, chỉ huy quân Pháp ra Bắc Bộ thay quân Tưởng Giới Thạch (sau Hiệp định 6-3-1946). Năm 1947, chết vì tai nạn máy bay, được truy phong Thống chế năm 1952.

LÝ THƯỜNG KIỆT (1019-1105): Anh hùng dân tộc, quê ở phường Thái Hoà, Hà Nội. Từ nhỏ, ông đã tỏ ra là một người có chí hướng, ham đọc sách và say mê nghiên cứu binh thư, luyện tập võ nghệ. Dưới triều Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông, ông đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong triều.

Khi Lý Nhân Tông lên ngôi, ông giữ chức Phụ quốc thái úy (cương vị như Tể tướng). Năm 1072, quân Tống lợi dụng lúc Lý Thánh Tông mất, ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta, xây dựng nhiều căn cứ, tích trữ lương thảo và khí giới ở Ung Châu. Biết rõ âm mưu của triều đình phương Bắc, ngày 27-10-1075 Lý Thường Kiệt dùng kế sách "tiên phát chế nhân", chủ động tấn công sang đất Tống tiêu

diệt trước căn cứ xâm lược của kẻ thù rồi nhanh chóng quay về phòng thủ đất nước. Ngày 1-3-1076, quân ta chiếm được thành Ung Châu rồi nhanh chóng rút về xây dựng tuyến phòng thủ sông Như Nguyệt (sông Cầu).

Quả nhiên, cuối năm 1076, quân Tống kéo sang xâm lược nước ta. Nhưng do ta chuẩn bị trước và động viên được lực lượng nhân dân chống giặc, quân Tống xâm lược đã đại bại và phải rút chạy về nước (3-1077). Cuộc kháng chiến anh hùng của dân tộc ta hoàn toàn thắng lợi.

Lý Thường Kiệt đã có công lao to lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Ông là một nhà quân sự lỗi lạc, một nhà chính trị và ngoại giao xuất sắc.

M

MOÓCLIE L. (**L.Morlière**): Tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Việt Nam năm 1946, người chủ trương lợi dụng đàm phán để lần dần từng bước, tiến tới tiêu diệt lực lượng kháng chiến của ta bằng vũ lực. Theo lệnh của Chính phủ Pháp, Moóclie đã nhiều lần gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta với những yêu sách ngang ngược hòng khuất phục nhân dân ta, buộc chúng ta phải đầu hàng.

MUTÊ M. (**Marius Moutet**): Đảng viên xã hội Pháp, Bộ trưởng Bộ Pháp quốc hải ngoại (Bộ Thuộc địa Pháp cũ) năm 1946. Trong dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp (từ tháng 6-1946 đến tháng 9-1946), Chủ tịch và Bộ trưởng đã có nhiều cuộc tiếp xúc. Bộ trưởng M. Mutê là người đã ký Tạm ước 14-9-1946 với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đầu năm 1947, M.Mutê được Chính phủ Pháp cử sang Đông Dương kiểm tra tình hình và đã từ chối lời mời gặp gỡ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

N

NÊRU J. (Nehru Jawaharlal) (1889-1964): Nhà hoạt động chính trị nổi tiếng, lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ. Gia nhập Đảng Quốc đại (1912), là Tổng thư ký (1929) rồi trở thành Chủ tịch Đảng. Năm 1946, ông tham gia thành lập Chính phủ lâm thời Ấn Độ, giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao. Từ năm 1947, Ấn Độ tuyên bố độc lập, ông giữ chức Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao. Ông là một trong những người sáng lập "Phong trào không liên kết", là người bạn thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là tác giả của nhiều tác phẩm nghiên cứu.

NGUYỄN HẢI THẦN (1878-1959): Tên thật là Võ Hải Thu, còn có tên là Nguyễn Cẩm Giang, quê ở làng Đại Từ, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Ông là thủ lĩnh của Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội. Trước năm 1945, hoạt động ở Trung Quốc. Năm 1945, Nguyễn Hải Thần theo quân đội Tưởng Giới Thạch về nước. Ngày 1-1-1946, được cử vào Chính phủ liên hiệp lâm thời, sau đó được bổ sung vào Quốc hội không qua bầu cử và giữ chức Phó Chủ tịch trong Chính phủ liên hiệp chính thức (tháng 3-1946).

Sau ngày quân Tưởng rút về nước, Nguyễn Hải Thần bỏ chạy sang sống lưu vong ở Trung Quốc và mất ở đó năm 1959.

NGUYỄN TƯỜNG TAM (tức Nhất Linh) (1905-1963): Quê Quảng Nam, sinh ở Cẩm Giàng, Hải Dương. Vốn là nhà văn và hoạt động trên lĩnh vực báo chí, chủ bút báo *Phong Hoá*. Khi Nhật vào Đông Dương, đứng ra lập Đảng Đại Việt thân Nhật (sau đổi thành Đại Việt dân chính), bị Pháp lùng bắt phải trốn sang Trung Quốc. Năm 1945, theo quân đội Tưởng Giới Thạch về Việt Nam và được bổ sung vào Chính phủ liên hiệp chính thức với chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Khi quân Tưởng Giới Thạch rút khỏi Việt Nam, Nguyễn Tường Tam trốn sang lưu vong ở Trung Quốc. Năm 1951, Nguyễn Tường Tam trở về sống ở miền Nam. Năm 1960, bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt và tự vẫn năm 1963.

NGUYỄN VĂN TỐ (1889-1947): Quê Hà Đông (nay thuộc Hà Tây). Thuở nhỏ theo Hán học, sau chuyển Tây học, đỗ bằng thành chung, làm việc tại Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội.

Trước năm 1945, làm Hội trưởng Hội truyền bá quốc ngữ. Tháng 8-1945, ông được mời giữ chức Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội trong Chính phủ lâm thời, là đại biểu Quốc hội khoá I, Trưởng ban Thường trực Quốc hội. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, ông được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban tản cư, di cư, rồi cùng Chính phủ rút lên Việt Bắc tiếp tục kháng chiến chống Pháp. Mùa đông năm 1947, quân Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn, ông bị bắt và bị giặc sát hại.

NGUYỄN VĨNH THUY (Bảo Đại): Vua cuối cùng của triều đình phong kiến nhà Nguyễn (1925 đến tháng 8-1945). Từ tháng 9-1945, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời làm Cố vấn của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tháng 3-1946, ông được cử sang Trùng Khánh thực hiện chính sách giao hảo của Chính phủ ta với chính quyền Tưởng Giới Thạch, nhưng sau đó đi Hồng Kông và không về nước. Năm 1949, Bảo Đại được thực dân Pháp đưa về Việt Nam làm "Quốc trưởng" Chính phủ bù nhìn. Tháng 10-1955, bằng "trung cầu dân ý", Mỹ đã phế truất Bảo Đại và đưa Ngô Đình Diệm thay thế.

P

PHAN ANH (1912-1990): Người huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Trước Cách mạng Tháng Tám, ông là Chủ tịch Tổng hội sinh viên, giáo sư Trường tư thục Thăng Long (Hà Nội), thành viên tích cực của cuộc vận động truyền bá quốc ngữ và phong trào thanh niên.

Sau Cách mạng Tháng Tám, ông tham gia thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, là Chủ tịch Ủy ban kiến thiết quốc gia, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong Chính phủ kháng chiến, Tổng thư ký Phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đi dự Hội nghị Phôngtennoblô (Pháp). Ông được cử làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch

Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá I và khoá II, Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khoá IV. Là đại biểu Quốc hội từ khoá II tới khoá VIII. Luật sư Phan Anh còn là một trong những người sáng lập Hội Luật gia Việt Nam, Ủy viên Ban Thường vụ Hội Luật gia quốc tế.

PHAN ĐÌNH PHÙNG (1847-1895): Một sĩ phu yêu nước nổi tiếng cuối thế kỷ XIX. Năm 1885, hưởng ứng phong trào Cần Vương, ông đứng ra tổ chức cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp, lập căn cứ ở vùng rừng núi Hương Sơn - Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Ông đã lãnh đạo nghĩa quân vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, duy trì cuộc chiến đấu gần 10 năm. Trong một trận đánh, ông bị thương rồi lâm bệnh, mất ngày 28-12-1895 tại căn cứ nghĩa quân.

Phạm bá trực (1896-1954): Người Ninh Bình, một linh mục yêu nước, từng giữ chức Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội khoá I, Phó Chủ tịch Ủy ban Liên Việt toàn quốc.

PHẠM NGỌC THẠCH (1909-1968): Sinh ở Quy Nhơn (Bình Định), con nhà giáo yêu nước Phạm Ngọc Thọ.

Trước Cách mạng Tháng Tám, ông vừa hành nghề bác sĩ, vừa tham gia hoạt động cách mạng, là một trong những sáng lập viên của tổ chức Thanh niên tiên phong Nam Bộ.

Sau cách mạng, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng: Bộ trưởng Bộ Y tế Chính phủ lâm thời, Thứ trưởng Phủ Chủ tịch (1949); Ủy viên thường vụ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính đặc khu Sài Gòn- Chợ Lớn (1950-1953), Bộ trưởng Bộ Y tế kiêm Viện trưởng Viện chống lao trung ương (1958), Chủ tịch Ủy ban điều tra tội ác của đế quốc Mỹ ở Việt Nam. Ông còn tham gia nhiều hoạt động trong lĩnh vực y học quốc tế.

Ông được Chính phủ phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động, là đại biểu Quốc hội khoá II và III.

Ngày 7-11-1968, ông đã hy sinh ở chiến trường miền Nam trong khi làm nhiệm vụ.

PHẠM VĂN ĐỒNG: Sinh ngày 1-3-1906 tại làng Cây Gạo, xã Đức Tây, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Tham gia phong trào học sinh sinh viên để tang nhà chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh và bị đuổi học. Năm 1926, dự lớp huấn luyện chính trị do lãnh tụ Nguyễn ái Quốc tổ chức tại Quảng Châu. Năm 1927, về hoạt động ở Nam Kỳ và được cử vào kỳ bộ Nam Kỳ của Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Năm 1929 bị bắt và bị kết án 10 năm tù, đày đi Côn Đảo. Năm 1936, được trả lại tự do, ra hoạt động công khai tại Hà Nội. Năm 1940-1941, hoạt động tại miền Nam Trung Quốc, sau đó trở về nước tham gia tổ chức xây dựng căn cứ địa cách mạng Cao - Bắc - Lạng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, được cử vào Chính phủ lâm thời, làm Bộ trưởng Bộ Tài chính, được bầu vào Quốc hội liên tục từ khoá I đến khoá VII.

Từ năm 1947, được cử giữ nhiều trọng trách như: Đại diện Chính phủ tại Nam Bộ, Phó Thủ tướng Chính phủ (1949) rồi Thủ tướng Chính phủ (1955), sau đó là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đến năm 1987. Ông là Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ ta tham gia các Hội nghị Phôngtennoblô (1946), Hội nghị Giơnevơ (1954), Hội nghị Băng Đung (1955) và nhiều Hội nghị quốc tế khác.

Ông là Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng (1947), Ủy viên chính thức (1949); từ năm 1951, ông liên tục được bầu là Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, cho đến năm 1986. Hiện nay là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

T

TÔRÊ M. (Maurice Thorez) (1900-1964): Nhà hoạt động chính trị Pháp. Tháng 3-1919, ông tham gia Đảng Xã hội Pháp và tích cực đấu tranh để thành lập Đảng Cộng sản Pháp. Là Ủy viên Trung

ương Đảng Cộng sản Pháp năm 1924, Ủy viên Bộ Chính trị và Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng năm 1925, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Pháp từ năm 1930 đến năm 1964. Môri-xơ Tô-rê còn là nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản từ năm 1928 đến năm 1943, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản từ năm 1935 đến năm 1943.

TÔN TRUNG SƠN (1866-1925): Còn có tên là Tôn Văn, Tôn Dật Tiên, người huyện Hương Sơn (Trung Sơn) Quảng Đông. Ông là nhà cách mạng dân chủ vĩ đại của Trung Quốc.

Sau khi tốt nghiệp Trường Y khoa Bác Tế (Quảng Châu), năm 1894 ông thành lập Hưng Trung hội ở Đan Hương Sơn, nêu khẩu hiệu "Đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa". Khởi nghĩa Quảng Châu thất bại, ông lưu vong ra nước ngoài. Năm 1905 ông thành lập Trung Quốc Đồng minh hội ở Nhật Bản, được bầu làm Tổng lý, đề xuất chủ nghĩa Tam dân (dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc). Sau khi thành lập Đồng minh hội, Tôn Trung Sơn đã lãnh đạo nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang. Cách mạng Tân Hợi (1911) thắng lợi, nền thống trị chuyên chế phong kiến Trung Quốc bị lật đổ, nước Trung Hoa Dân quốc thành lập, ông được bầu làm Lâm thời Đại Tổng thống, định ra "Lâm thời ước pháp". Nhưng sau đó, lực lượng phản động do Viên Thế Khải cầm đầu đã cướp thành quả cách mạng, khôi phục lại nền thống trị chuyên chế.

Năm 1914, tại Nhật Bản, ông lại tổ chức ra Trung Hoa cách mạng đảng. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga có ảnh hưởng rất lớn đối với ông. Ông đã từ bỏ tư tưởng cải lương, tiếp thu đề nghị của Đảng Cộng sản Trung Quốc, cải tổ lại Quốc dân đảng, cùng với Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập Mặt trận thống nhất cách mạng, xác lập 3 chính sách lớn: liên Nga, liên Cộng, giúp đỡ công nông (1923), triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc của Quốc dân đảng (1-1924), xác định lại nội dung của chủ nghĩa Tam dân,

đề ra cương lĩnh chính trị phản đế phản phong, chủ trương xoá bỏ các điều ước bất bình đẳng, triệu tập Quốc dân hội nghị. Sau đó, ông thành lập Trường quân sự Hoàng Phố nhằm đào tạo cán bộ chỉ huy chuẩn bị Bắc phạt. Để tranh thủ khả năng thống nhất đất nước, ông đã nhận lời mời của Đoàn Kỳ Thụy lên Bắc Kinh để đàm phán. Sau khi tới Bắc Kinh, biết rõ cánh quân phiệt phương Bắc không có ý định thực hiện chủ trương phản đế phản phong mà ông đã nêu trong "tuyên ngôn Bắc thượng" trước khi đi, ông lâm bệnh rồi mất tại Bắc Kinh ngày 12-3-1925.

TÔN TỬ: Tên thật là Tôn Vũ, nhà lý luận quân sự lớn của Trung Quốc, sống vào cuối thế kỷ VI trước công nguyên, tướng nước Ngô dưới triều vua Hạp Lư thời Xuân Thu (722-481 trước công nguyên), là tác giả *Tôn Tử binh pháp*, một trong những bộ binh thư sớm nhất trên thế giới. Nội dung bộ sách này rất phong phú, bàn đến các phương diện, các giai đoạn, các chiến lược chiến thuật, v.v. của chiến tranh. Binh pháp Tôn Tử không chỉ có giá trị đối với chiến tranh thời cổ đại, mà còn rất có giá trị đối với chiến tranh thời hiện đại, vì thế được thế giới đánh giá cao và dịch ra nhiều thứ tiếng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nghiên cứu rất sâu sắc về binh pháp Tôn Tử và đã nhiều lần giới thiệu với nhân dân ta.

TỜUMAN H. (Harry Truman) (1884-1972): Người Đảng Dân chủ Mỹ, là Tổng thống thứ 33 của nước Mỹ (1945-1953), người hạ lệnh ném bom nguyên tử xuống Hirôshima và Nagasaki (Nhật Bản). H. Tờuman là một trong những người khởi xướng đường lối "Chiến tranh lạnh" sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

TRẦN ĐĂNG KHOA (1907-1989): Trí thức yêu nước, quê Thừa Thiên (Huế). Trước 1945, ông đã tốt nghiệp ngành công chính và từng phụ trách ngành này ở nhiều tỉnh miền Trung.

Sau Cách mạng Tháng Tám, ông được giao nhiều chức vụ quan trọng: Giám đốc công chính Trung Bộ, Bộ trưởng Bộ Giao thông - Công chính, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Kiến trúc, Bộ trưởng Bộ Thủy lợi.

Ông là đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá VII, Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ khoá II đến khoá VI, là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Phó Chủ tịch Hội hữu nghị Việt Xô trong nhiều năm.

Năm 1945, ông gia nhập Đảng Dân chủ Việt Nam, từng giữ chức Phó Tổng thư ký của Đảng.

TRẦN HUY LIỆU (1901-1969): Nhà văn, nhà sử học, nhà hoạt động chính trị, quê ở Vụ Bản, Nam Định. Tham gia phong trào yêu nước ở Nam Bộ. Năm 1928, thành lập *Cường học thư xã* và bị Pháp bắt giam. Năm 1935, ông ra tù và tham gia Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1936. Năm 1945, được bầu là Phó Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền trong Chính phủ lâm thời và là người thay mặt Chính phủ lâm thời nhận ấn kiếm trong lễ thoái vị của vua Bảo Đại. Trong kháng chiến chống Pháp, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau. Sau đó, ông là Trưởng ban nghiên cứu Văn - Sử - Địa trực thuộc Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện trưởng Viện Sử học.

TRẦN TU HÒA: Chuyên viên nghiên cứu tại Sở Công binh của quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc, sang Việt Nam với chức vụ Thiếu tướng phụ trách vận chuyển quân giới và công tác ngoại giao trong Bộ Tư lệnh quân đội Trưởng.

TRƯƠNG TRUNG PHỤNG: Trước năm 1945, hoạt động ở Trung Quốc, tham gia Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội. Năm 1945 về nước. Đại biểu Quốc hội khoá I. Tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, làm đến chức Trung đoàn trưởng, cấp bậc Thượng tá cho đến khi mất tại Hà Nội.

TUỞNG GIỚI THẠCH (1887-1975): Người tỉnh Triết Giang, Trung Quốc. Học quân sự ở Nhật. Năm 1923, giữ chức Tham mưu trưởng Tổng hành dinh Chính phủ quân sự Quảng Đông. Năm 1924, được Tôn Trung Sơn cử đi khảo sát về quân sự ở Liên Xô rồi

về nước giữ chức Hiệu trưởng Trường quân sự Hoàng Phố. Sau khi Tôn Trung Sơn mất, Tưởng Giới Thạch giữ chức Chủ tịch Ban Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Quốc dân đảng, Tổng tư lệnh quân cách mạng quốc dân. Năm 1943, tái nhiệm chức Chủ tịch Chính phủ Quốc dân đảng. Năm 1948, giữ chức Tổng thống. Tháng 1-1949, Tưởng Giới Thạch từ chức; cùng năm rút ra Đài Loan tiếp tục giữ chức Tổng tài Quốc dân đảng và Tổng thống Trung Hoa dân quốc ở Đài Loan.

V

VALUY. E (**étienne Valluy**) (1899-1970): Tướng Pháp, phục vụ trong quân đội Pháp ở nhiều thuộc địa. Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương (từ tháng 6-1946 đến tháng 2-1948), chỉ huy quân đội khối Bắc Đại Tây Dương ở Trung Âu (1956-1960).

VÕ NGUYỄN GIÁP: Sinh ngày 25-8-1911, tại làng An Xá, xã Lộc Thủy, huyện Lệ Ninh, tỉnh Quảng Bình. Sớm tham gia phong trào yêu nước và gia nhập Tân Việt cách mạng đảng. Thời kỳ 1936-1939, hoạt động công khai tại Hà Nội. Năm 1940, sang Trung Quốc, được gặp lãnh tụ Nguyễn ái Quốc, sau đó cùng Người trở về tham gia xây dựng căn cứ địa ở Cao - Bắc - Lạng. Tại Hội nghị toàn quốc của Đảng năm 1945 ở Tân Trào, được bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ông được cử giữ nhiều trọng trách trong bộ máy nhà nước: Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Chủ tịch Quân sự uỷ viên hội, Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ ta tại Hội nghị trù bị Đà Lạt. Năm 1948 được phong hàm Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ Đại hội II (1951) đến Đại hội V (1982) liên tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Là Uỷ viên Bộ Chính trị các khoá II, III, IV. Ông là đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá VII.

Từ năm 1955 được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ, sau này là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, liên tục cho đến năm 1991.

VŨ HỒNG KHANH (1898-1993): Tên thật là Vũ Văn Giản, người làng Thổ Tang, huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Yên (nay thuộc Vĩnh Phú). Năm 1928, tham gia Việt Nam Quốc dân đảng. Sau thất bại của khởi nghĩa Yên Bái, chạy sang Trung Quốc. Năm 1945, theo quân đội Tưởng Giới Thạch về Việt Nam. Tháng 6-1946, lại theo quân Tưởng Giới Thạch sang Trung Quốc. Năm 1949, khi cách mạng Trung Quốc thắng lợi, Vũ Hồng Khanh chạy về Cao Bằng rồi làm việc cho Pháp. Năm 1954, chạy vào miền Nam. Sau năm 1975, Vũ Hồng Khanh được Chính phủ ta tha tội, về sống ở Thổ Tang cho đến khi mất.

Những thỏa thuận giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với Đô đốc Đắcgiăngliơ tại cuộc hội kiến trên vịnh Hạ Long ngày 24-3-1946

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 18'

- 1) Vào độ trung tuần tháng 4, một đoàn phái bộ đại biểu Quốc hội Việt Nam sẽ đi Pháp để tỏ tình thân thiện giữa Quốc hội và nhân dân Việt Nam đối với Quốc hội và nhân dân Pháp.
- 2) Cũng trong thời gian đó, sẽ có một phái bộ chừng độ 10 người từ Pháp qua Việt Nam để cùng đại biểu Việt Nam sửa soạn các tài liệu cần thiết.
- 3) Đến hạ tuần tháng 5, phái bộ ta sẽ qua Pháp để mở cuộc đàm phán chính thức.

Báo Cứu quốc, số 204,
ngày 2-4-1946.

Phụ khoản (Đính theo Hiệp định sơ bộ của Chính phủ Cộng hoà Pháp và Chính phủ Việt Nam)

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 20'

Hai Chính phủ kể trong bản Hiệp định sơ bộ đã thoả thuận các khoản sau này:

1) Những lực lượng quân bị thay thế quân đội Trung Hoa sẽ gồm có:

a) 10.000 quân Việt Nam với các sĩ quan Việt Nam thuộc quyền điều khiển của các nhà chức trách quân sự Việt Nam.

b) 15.000 quân Pháp, trong số đó đã kể số lính Pháp hiện nay đã đóng trong cõi Việt Nam ở phía Bắc vĩ tuyến 16.

15.000 lính Pháp ấy phải là những người Pháp chính tông, trừ những đội phụ trách canh phòng tù binh Nhật Bản.

Tổng cộng các lực lượng kể trên sẽ đặt dưới quyền của Tư lệnh Pháp do các đội viên Việt Nam cộng tác.

Khi các đội quân Pháp đã đổ bộ, một hội nghị tham mưu gồm các đại biểu của Bộ tư lệnh Pháp và Bộ tư lệnh Việt Nam sẽ định rõ sự tiến triển, sự du nhập, và cách sử dụng các đội quân Pháp và các đội quân Việt Nam đã kể trên.

Sẽ lập ra những Ủy ban binh vụ Pháp - Việt ở tất cả các cấp quân đội để chuyên việc liên lạc binh sĩ Pháp và Việt Nam theo tinh thần cộng tác thân hữu.

2) Những đội quân Pháp dùng để thay thế quân đội Trung Hoa sẽ chia ra làm 3 hạng:

a) Những đội phụ trách việc canh phòng tù binh Nhật Bản - Các đội này sẽ rút về Pháp ngay khi nào nhiệm vụ của họ đã xong, nghĩa là sau khi tù binh Nhật Bản đã được đem ra khỏi xứ này; dù sao thời gian ấy không được quá 10 tháng.

b) Những đội quân cùng với quân đội Việt Nam phụ trách về việc công an và phòng vệ đất nước Việt Nam. - Cứ mỗi năm một phần năm (1/5) các đội quân sẽ về Pháp để quân đội Việt Nam thay thế. Vậy trong 5 năm, quân đội Việt Nam sẽ thay thế toàn số quân đội Pháp này.

c) Những đội quân phụ trách việc phòng vệ các căn cứ hải và không quân. - Thời hạn của nhiệm vụ giao cho các đội này sẽ do các cuộc hội nghị sau quyết định.

3) ở các nơi đồn trú có quân đội Pháp và quân đội Việt Nam đóng giữ, những khu vực riêng biệt cho đôi bên sẽ được định rõ.

4) Chính phủ Pháp cam đoan không dùng các tù binh Nhật vào những việc có mục đích quân sự.

Làm tại Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 1946

HỒ CHÍ MINH VŨ HỒNG KHANH XANH TÔI

Báo Cứu quốc,
số 180, ngày 8-3-1946.

Hiệp định sơ bộ

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 21'

Một bên là Chính phủ Cộng hoà Pháp do ông Xanh-toni (Sainteny), người thay mặt và có uỷ nhiệm chính thức của Thủ sứ đô đốc Đắc-giăng-liơ (Georges Thierry d'Argenlieu), Thượng sứ Pháp thụ nhiệm uỷ quyền của Chính phủ Cộng hoà Pháp, làm đại biểu.

Một bên là Chính phủ Cộng hoà Việt Nam do cụ Chủ tịch Hồ Chí Minh, và đặc uỷ viên của Hội đồng các Bộ trưởng là ông Vũ Hồng Khanh, làm đại biểu.

Hai bên đã thoả thuận về các khoản sau này:

- 1) Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình, và là một phần tử trong Liên bang Đông Dương ở trong khối Liên hiệp Pháp. Về việc hợp nhất ba "kỳ", Chính phủ Pháp cam đoan thừa nhận, nhưng quyết định của nhân dân trực tiếp phán quyết.
- 2) Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng thân thiện, tiếp đón quân đội Pháp khi nào quân đội ấy chiếu theo các hiệp định quốc tế đến thay thế quân đội Trung Hoa. Một Hiệp định phụ khoản đính theo Hiệp định sơ bộ này sẽ định rõ cách thức thi hành công việc thay thế ấy.
- 3) Các điều khoản kể trên sẽ được tước khắc thi hành. Sau khi ký hiệp định, hai Chính phủ lập tức quyết định mọi phương sách cần thiết để đình chỉ ngay cuộc xung đột, để giữ nguyên quân đội hai bên tại vị trí hiện thời và để gây một bầu không khí êm dịu cần thiết cho việc mở ngay cuộc điều đình thân thiện và thành thực. Trong cuộc điều đình ấy sẽ bàn về:

- a) Những liên lạc ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài.
- b) Chế độ tương lai của Đông Dương.
- c) Những quyền lợi kinh tế và văn hoá của Pháp ở Việt Nam.

Các thành phố Hà Nội, Sài Gòn, Pari có thể được chọn làm nơi hội họp cuộc Hội nghị.

Làm tại Hà Nội, ngày 6 tháng 3 năm 1946

HỒ CHÍ MINH VŨ HỒNG KHANH XANHTỎN

Báo Cứu quốc, số 180,
ngày 8-3-1946.

Quyết nghị của cuộc liên tịch Hội nghị các chính đảng ngày 23-2-1946

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 24'

1- Thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến:

Sau những cuộc liên tịch hội nghị đại biểu các chính đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần chủ tọa, toàn thể nghị quyết thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến theo những điều kiện sau đây:

a) Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm có 10 bộ:

1. Nội vụ 6. Kinh tế
2. Quốc phòng 7. Xã hội
3. Ngoại giao 8. Tư pháp
4. Tài chính 9. Giao thông công chính
5. Giáo dục 10. Canh nông

b) Phân nhiệm:

- Hai bộ Quốc phòng và Nội vụ do những vị không đảng phái giữ.
- Các bộ Tài chính, Giáo dục, Giao thông công chính, Tư pháp do Việt Minh và Việt Nam Dân chủ đảng giữ.
- Các bộ Ngoại giao, Kinh tế, Xã hội, Canh nông do Việt Nam Quốc dân đảng và Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội giữ.

c) Để tỏ rõ tính cách thống nhất quốc gia của Chính phủ liên hiệp kháng chiến, hai bộ Giao thông công chính và Canh nông sẽ dành cho đồng bào Nam Bộ. Trong khi đại biểu Nam Bộ chưa tựu chức, Bộ Giao thông công chính sẽ do Việt Minh hoặc Việt Nam Dân

chủ đảng phụ trách, Bộ Canh nông sẽ do Việt Nam Quốc dân đảng hoặc Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội phụ trách.

đ) Tên các Bộ trưởng sẽ công bố sau khi Quốc hội truy nhận.

2- Thành lập Ủy viên kháng chiến hội.

Một Kháng chiến ủy viên hội gồm có 9 vị sẽ thành lập để chuyên lo việc kháng chiến. Tên 9 ủy viên sẽ công bố sau khi Quốc hội truy nhận.

3- Thành lập Quốc gia cố vấn đoàn.

Một Quốc gia cố vấn đoàn do Cố vấn tối cao Vĩnh Thụy làm Đoàn trưởng và gồm có những vị có đạo đức kinh nghiệm sẽ thành lập để giúp ý kiến cho Chính phủ.

Tên các vị đó sẽ được công bố sau khi Quốc hội truy nhận.

Toàn thể đại biểu có mặt trong hội nghị liên tịch đã đồng ý đăng lên báo bản quyết nghị này.

Làm tại Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 1946

Việt Minh Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội

Hồ Chí Minh Nguyễn Hải Thần

Nguyễn Công Truyền Nguyễn Thúc

Dân chủ Việt Nam Quốc dân đảng:

Đỗ Đức Dục Nguyễn Tường Tam

Hoàng Văn Đức Vũ Hồng Khanh

Báo *Độc lập*, số 85,
ngày 26-2-1946.

Đoàn kết

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 26'

Ngày 24-12-1945, chúng tôi là Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh, thay mặt cho Việt Minh, Quốc dân đảng và Cách mệnh đồng minh hội cùng ký tên công nhận các điều ước sau đây:

1) Độc lập trên hết, đoàn kết trên hết. Căn cứ vào thái độ thân ái, tình thành cùng nhau thảo luận để giải quyết hết thảy những vấn đề khó khăn trước mắt. Ai dùng ngang vũ lực gây nên những cuộc nội loạn sẽ bị quốc dân ruồng bỏ.

2) Kể từ ngày 25-12-1945, đôi bên phải ủng hộ một cách thiết thực cuộc Tổng tuyển cử, Quốc hội và kháng chiến.

3) Bắt đầu từ ngày 25-12-1945, đôi bên đều đình chỉ hết thảy những việc công kích nhau bằng ngôn luận và hành động.

Ký tên: Hồ Chí Minh

Nguyễn Hải Thần

Vũ Hồng Khanh

Báo Cứu quốc, số 126,
ngày 26-12-1945.

Mười bốn điều thoả thuận giữa Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội, Việt Nam Quốc dân đảng, Việt Minh (1)

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 30'

Ngày 23 tháng 12 năm 1945

Việt Nam, Việt Minh hội, Quốc dân đảng hợp tác biện pháp mười bốn điều (phụ kiện bốn điều).

1- Cùng phát biểu tuyên ngôn đối nội, đối ngoại vào ngày 1-1-1946 về việc thành lập một Chính phủ lâm thời liên hiệp Việt Nam. Đồng thời Chánh, Phó Chủ tịch, Bộ trưởng, Thứ trưởng cử hành lễ tự chức.

2- Chính phủ nhân sự 2 do các đảng phái liên tịch hội nghị quyết định theo nguyên tắc trong điều kiện phụ sau đây.

3- Lâm thời Chính phủ sẽ đưa ra Quốc dân đại biểu đại hội một bản tăng thêm: đại biểu Quốc dân đảng: 50 người, Cách mệnh đồng minh hội: 20 người, giao cho Quốc hội truy nhận.

4- Quốc hội lần họp đầu tiên, sau khi phê chuẩn Lâm thời Chính phủ, Chánh Phó Chủ tịch cùng các Bộ trưởng, Thứ trưởng toàn thể từ chức, sẽ bầu Chánh Phó Chủ tịch chính thức.

5- Chánh Phó Chủ tịch Chính phủ liên hiệp sẽ chính thức tuyển trong các đảng phái và những nhân viên ưu tú trong xã hội các Bộ trưởng và Thứ trưởng rồi đề ra cho Quốc hội thông qua.

6- Nhiệm kỳ của Chính phủ liên hiệp Việt Nam sau này sẽ do Chế hiến Ủy viên hội 1 của Quốc hội quyết định.

7- Danh xưng Quốc kỳ, Quốc huy của Chính phủ liên hiệp do Quốc hội quy định.

8- Trong khi Chính phủ chính thức chưa thành lập, kinh thường 2 triệu tập hội nghị liên tịch các đảng phái để giải quyết những trở ngại do cuộc hợp tác; nếu như tranh chấp không giải quyết thì một Điều giải uỷ viên hội do các người công chính 3 không đảng phái lập nên sẽ giải quyết, nếu như một bên mà không chịu sự trọng tài ấy mà phá liệt 4 thì bên ấy chịu trách nhiệm.

9- Độc lập đệ nhất, đoàn kết đệ nhất 5 , cả hai bên đều lấy thái độ thân ái và tinh thành để cùng nhau thảo luận và giải quyết hết thảy mọi vấn đề khốn nạn 6 ở trước mắt. Nếu kẻ nào dám dùng võ lực để gây thành nội loạn, người trong nước sẽ cùng hất hủi kẻ đó.

10- Hai bên đề xuất danh sách những người bị bắt giam của hai bên trước ngày 25-12-1945, toàn thể phải tha về.

11- Bắt đầu từ ngày 25-12-1945, hai bên đều thiết thực ủng hộ Tuyên cử Quốc hội và kháng chiến.

12- Từ ngày ấy, hai bên đều đình chỉ sự công kích lẫn nhau cả ngôn luận lẫn hành động thường.

13-7)

14- Những nghị quyết trên đây do Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh đều cùng ký và được thi hành ngay.

PHỤ KIÊN

1- Trong Chính phủ liên hiệp chính thức, Hồ Chí Minh tiên sinh làm Chủ tịch, Nguyễn Hải Thần tiên sinh làm Phó Chủ tịch.

2- Sau khi Chính phủ liên hiệp chính thức thành lập, Bộ trưởng những Bộ Quân sự và Nội vụ, sẽ tạm là những người công chính trong xã hội không thuộc đảng phái và những người ở các đảng

phái ngoài Việt Minh và Quốc dân đảng đảm nhận.

3- Chính phủ liên hiệp chính thức sẽ gồm có 10 Bộ, nhân sự các Bộ trưởng sẽ phân phối như sau: Việt Minh 2 người, Quốc dân đảng 2 người, Dân chủ đảng 2 người, Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội 2 người, vô đảng phái 2 người.

4- Biện pháp này lấy chữ Hán làm chuẩn tắc.

Ký tên: Nguyễn Hải Thần

Hồ Chí Minh

Vũ Hồng Khanh

Báo Việt Nam,
ngày 25-12-1945.

1. Tuyên ngôn Độc lập: Ngày 2-9-1945, tại Vườn hoa Ba Đình (Hà Nội), thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập do Người khởi thảo, tuyên bố trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới việc thủ tiêu chế độ thực dân phong kiến ở Việt Nam và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong văn kiện lịch sử này, sau khi tố cáo những tội ác tày trời của bọn thực dân và phong kiến tay sai trong gần một thế kỷ qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định những quyền dân tộc cơ bản của dân tộc Việt Nam và trịnh trọng tuyên bố với thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường bất khuất của dân tộc ta, Tuyên ngôn Độc lập là tác phẩm bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, là bản anh hùng ca mở đầu một kỷ nguyên mới của dân tộc - Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Tr.1.

2. Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ: Trong cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Bắc Mỹ (1775-1781), các xứ thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc Đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống bọn thực dân Anh. Đại hội lần thứ hai họp ở Philađenphia năm 1775 đã cử ra một uỷ ban do Giép-phéc-xơn làm Chủ tịch để thảo một bản nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do và độc lập, tách khỏi phạm vi quyền lực của Anh hoàng. Bản dự án nghị quyết này được đại biểu 13 bang thông qua ngày 4-7-1776 và trở thành Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ. Bản Tuyên ngôn này tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành lại độc lập, tự do cho nhân dân Mỹ lúc bấy giờ. Sau khi giành được độc lập, giai cấp tư sản Mỹ lên nắm chính quyền đã phản bội quyền lợi của nhân dân, thi hành chính sách phân biệt chủng tộc, áp bức bóc lột nhân dân trong nước, đồng thời xâm lược các nước khác. Chúng đã thực hiện những thủ đoạn tàn bạo của chủ nghĩa thực dân cũ, áp dụng chính sách thâm độc và nham hiểm của chủ nghĩa thực dân mới, thống trị về mặt kinh tế và lũng đoạn về chính trị, nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới, chà đạp trắng trợn lên những nguyên tắc tự do, bình đẳng đã ghi trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ. Tr.1.

3. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền: Cuộc Cách mạng Pháp 1789 là cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình. Sau khi nền quân chủ phong kiến bị lật đổ, giai cấp tư sản Pháp lên nắm chính quyền. Hội nghị lập hiến do chính quyền của giai cấp tư sản tổ chức đã thông qua một văn kiện có tính chất cương lĩnh - bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền nổi tiếng của cách mạng Pháp. Bản Tuyên ngôn này đã công khai thừa nhận các quyền tự do dân chủ như tự do thân thể, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng... Bản Tuyên ngôn cũng thừa nhận quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, quyền chống áp bức. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp đã có ảnh hưởng lớn tới cuộc đấu tranh của nhân dân các nước đang chống chế độ phong kiến lúc bấy giờ.

Nhưng khi giai cấp tư sản đã giành được quyền thống trị, chúng

đã phản bội lại các nguyên tắc tự do, bình đẳng, bác ái ghi trong Tuyên ngôn. Chúng ra sức áp bức bóc lột nhân dân trong nước và lợi dụng chiêu bài "khai hoá văn minh" để tiến hành chiến tranh xâm lược nhằm thống trị và nô dịch các thuộc địa, trong đó có nước Việt Nam ta. Tr.1.

4. Đồng minh: Liên minh các nước chống chủ nghĩa phát xít trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), hình thành vào cuối 1941 đầu 1942.

Tháng 1-1942, tại Oasinhton (Mỹ), 26 nước Đồng minh trong đó có Liên Xô (cũ), Anh, Mỹ ký chung vào bản Tuyên ngôn chống phát xít xâm lược và bảo đảm trong cuộc chiến tranh này không có sự giảng hoà riêng rẽ. Nhưng mục đích của việc ký Tuyên ngôn đó rất khác nhau. Liên Xô ký Tuyên ngôn này nhằm mục đích tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, khôi phục chế độ dân chủ ở châu Âu. Còn Mỹ và Anh ký Tuyên ngôn nhằm đánh bại thế lực của Đức và Nhật để xác lập quyền bá chủ thế giới. Về sau, các chính phủ Mỹ và Anh đã phản bội Đồng minh, phá hoại tất cả các điều khoản trong Tuyên ngôn đó. Tr.2.

5. Việt Minh (hay Mặt trận Việt Minh): Tên gọi tắt của Việt Nam độc lập đồng minh, được thành lập tại Pác Bó (Cao Bằng) ngày 19-5-1941, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941). Việt Minh gồm các thành viên là Đảng Cộng sản Đông Dương và các Hội cứu quốc như: Hội Công nhân cứu quốc, Hội Nông dân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Quân nhân cứu quốc, Hội Phụ lão cứu quốc, Hội Phật giáo cứu quốc, Hội Nhi đồng cứu quốc...

Việt Minh là một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đảng phái chính trị, các dân tộc, các tôn giáo yêu nước để chống kẻ thù chính của dân tộc ta lúc ấy là thực dân Pháp và phát xít Nhật. Mặt trận đã áp dụng chính sách mềm dẻo để tranh thủ mọi lực lượng có thể tranh thủ được, phân hoá kẻ thù, cô lập cao độ kẻ thù chính nhằm tiêu diệt chúng, giành độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Mặt trận Việt Minh đã

vận động toàn dân tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Để góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc họp từ ngày 3 đến ngày 7-3-1951 đã thống nhất hai tổ chức Việt Nam độc lập đồng minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam thành Mặt trận Liên - Việt. Tr.2.

6. Chính phủ lâm thời: Tức Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, được thành lập theo quyết định của Quốc dân đại hội Tân Trào họp trong các ngày 16, 17, 18-8-1945.

Nghị quyết của Quốc dân đại hội ghi rõ: "Để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của chúng ta cho thắng lợi, Quốc dân đại hội quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam. Ủy ban này cũng như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam trước khi thành lập một chính phủ chính thức. Ủy ban này thay mặt quốc dân mà giao thiệp với các nước ngoài và duy trì mọi công việc trong nước". Về tổ chức, Ủy ban giải phóng có một ban thường trực gồm 5 uỷ viên, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngày 25-8-1945, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ủy ban giải phóng dân tộc được cải tổ thành Chính phủ lâm thời với sự tham gia của nhiều tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước, nhân sĩ tiến bộ. Nhiều uỷ viên Việt Minh trong Chính phủ tự nguyện nhường chỗ cho những người không phải Việt Minh. Sau này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá hành động cao cả đó như sau: "Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân". (Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng). Tr.3.

7. Hội nghị Têhêrăng: Hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô (cũ), Anh, Mỹ họp từ ngày 28-11 đến ngày 1-12-1943, tại Têhêrăng (thủ đô Iran). Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua Nghị quyết bảo đảm nền hoà bình lâu dài trên thế giới sau chiến tranh, v.v.. Nhưng sau đó, các giới cầm quyền Mỹ và Anh đã thi hành không đầy đủ các điều khoản đã được ký kết trong Hội nghị này. Tr.3

Tình thành đoàn kết

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 35'

Ngày 24 tháng 11 năm 1945, sáu đại biểu là:

Hồ Chí Minh

Nguyễn Hải Thần

Vũ Hồng Khanh

Lê Tùng Sơn

Cù Huy Cận

Phan Trâm

khai hội thảo luận việc đoàn kết để cứu quốc. Trong cuộc thảo luận, các đại biểu đều khai thành bố công¹ rất là thân thiết.

Lúc khai hội rồi, các đại biểu đồng ý mấy điều sau này:

- 1) Hai bên đều đảm bảo không được công kích lẫn nhau bằng lời nói và bằng hành động.
- 2) Hai bên đều kêu gọi đoàn kết.
- 3) Hai bên đều kêu gọi ủng hộ kháng chiến ở Nam Bộ.
- 4) Hai bên đều phụ trách thực hiện ba điều trên đó.

Những việc thảo luận sẽ đồng thời tuyên bố sau.

Ký tên: Hồ Chí Minh

Nguyễn Hải Thần

Vũ Hồng Khanh

Lê Tùng Sơn

Cù Huy Cận

Phan Trâm

Báo Cứu quốc, số 101,
ngày 26-11-1945.

1. Tuyên ngôn Độc lập: Ngày 2-9-1945, tại Vườn hoa Ba Đình (Hà Nội), thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập do Người khởi thảo, tuyên bố trước đồng bào cả nước và nhân dân thế giới việc thủ tiêu chế độ thực dân phong kiến ở Việt Nam và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong văn kiện lịch sử này, sau khi tố cáo những tội ác tày trời của bọn thực dân và phong kiến tay sai trong gần một thế kỷ qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định những quyền dân tộc cơ bản của dân tộc Việt Nam và trình trọng tuyên bố với thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Kết tinh truyền thống lịch sử kiên cường bất khuất của dân tộc ta, Tuyên ngôn Độc lập là tác phẩm bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, là bản anh hùng ca mở đầu một kỷ nguyên mới của dân tộc - Kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Tr.1.

**Bản ký kết ngày 19-11-1945 - Nguyên tắc chung tối cao của
cuộc hợp tác giữa: Việt Nam Cách mệnh đồng minh hội, Việt
Nam Quốc dân đảng và Việt Minh**

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 40'

- 1) Thành lập một chính phủ nhất trí, tổ chức cơ cấu quân sự tối cao (bao quát: danh xưng, tổ chức hệ thống, sắp đặt nhân sự và quốc huy, quốc kỳ, văn vận).
- 2) Định rõ chính cương, chính sách, phát biểu tuyên ngôn liên hợp (bao quát: nguyên tắc kiến quốc tối cao, ngoại giao, nội chính và chính sách đối với Hoa kiều, văn vận).
- 3) Hết thảy quân đội phải thuộc về quốc gia (bao quát: các đảng, các phái phải đem võ lực của mình ra chớ không có thể tự kiến quân 1 riêng).
- 4) Chỉ nói đến sự sinh tồn của quốc gia chớ không được nói đến những sự tranh giành của đảng phái (bao quát: hết thảy các đảng, các phái y theo quy tắc được tự do phát triển, hỗ tương bảo chứng 2 không được dùng thủ đoạn phi pháp để phá hoại đối phương).
- 5) Triệu khai hội nghị quân sự (bao quát: thương thảo việc tiến quân vào Trung Nam Bộ, và vấn đề kiến quân về hết thảy mọi phương diện).
- 6) Quyết không đổ máu giữa người Việt Nam với người Việt Nam.
- 7) Kiên quyết huỷ diệt các xí đồ 1) thực dân của đế quốc Pháp để tranh lấy sự độc lập hoàn toàn của Việt Nam.

Ký tên: Nguyễn Hải Thần Hồ Chí Minh Vũ Hồng Khanh

Báo Việt Nam, số 19,
ngày 6-12-1945.

2. *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ: Trong cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân Bắc Mỹ (1775-1781), các xứ thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc Đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống bọn thực dân Anh. Đại hội lần thứ hai họp ở Philađenphia năm 1775 đã cử ra một uỷ ban do Giép-phéc-xơn làm Chủ tịch để thảo một bản nghị quyết tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do và độc lập, tách khỏi phạm vi quyền lực của Anh hoàng. Bản dự án nghị quyết này được đại biểu 13 bang thông qua ngày 4-7-1776 và trở thành Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ. Bản Tuyên ngôn này tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành lại độc lập, tự do cho nhân dân Mỹ lúc bấy giờ. Sau khi giành được độc lập, giai cấp tư sản Mỹ lên nắm chính quyền đã phản bội quyền lợi của nhân dân, thi hành chính sách phân biệt chủng tộc, áp bức bóc lột nhân dân trong nước, đồng thời xâm lược các nước khác. Chúng đã thực hiện những thủ đoạn tàn bạo của chủ nghĩa thực dân cũ, áp dụng chính sách thâm độc và nham hiểm của chủ nghĩa thực dân mới, thống trị về mặt kinh tế và lũng đoạn về chính trị, nhằm thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới, chà đạp trắng trợn lên những nguyên tắc tự do, bình đẳng đã ghi trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ. Tr.1.*

Thư gửi Thống chế Tưởng Giới Thạch

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 41'

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 1945

Thưa Ngài Thống chế Tưởng Giới Thạch,

Nhờ Ngài Bộ trưởng 1 Trần (Chen) chuyển giúp

Thưa Ngài,

Chúng tôi trân trọng thưa với Ngài rằng, chúng tôi - Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Ngài Cố vấn tối cao Nguyễn Vĩnh Thụy (cựu Hoàng đế Bảo Đại) - có nguyện vọng được đến Trùng Khánh để bày tỏ lòng kính trọng của chúng tôi với Ngài và ngài Bộ trưởng Trần.

Nếu được các Ngài chấp nhận, thì đây là một sự ủng hộ tốt đẹp với chúng tôi.

Kính

Hồ Chí Minh
Nguyễn Vĩnh Thụy

United States - Vietnam Relations,
1945-1967, U.S Government printing
office, Washington, 1971, p.83.

Phụ lục:

**Những Sắc lệnh do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký trong thời gian
từ 2-9-1945 đến 31-12-1946**

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 43'

NĂM 1945

- 1- *Sắc lệnh số 23*, ký ngày 10-9-1945, cử ông Vĩnh Thụy làm Cố vấn Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- 2- *Sắc lệnh số 29B*, ký ngày 10-9-1945, về việc lưu dụng và cho nghỉ việc một số quan chức cũ ngành toà án ở Hà Nội.
- 3- *Sắc lệnh số 31*, ký ngày 13-9-1945, quy định về thể thức tổ chức các cuộc biểu tình.
- 4- *Sắc lệnh số 33A*, ký ngày 13-9-1945, quy định về quyền hạn của Ty Liêm phóng.
- 5- *Sắc lệnh số 33B*, ký ngày 13-9-1945, về trình tự thủ tục khi bắt người của Sở Liêm phóng và Sở Cảnh sát.
- 6- *Sắc lệnh số 33C*, ký ngày 13-9-1945, về việc lập Toà án Quân sự ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và quy định quyền hạn xét xử của các Toà án đó.
- 7- *Sắc lệnh số 33D*, ký ngày 19-9-1945, về việc phóng thích tội nhân bị kết án trước ngày 19-8-1945.
- 8- *Sắc lệnh số 34*, ký ngày 20-9-1945, lập một Uỷ ban dự thảo Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (gồm 7 người).
- 9- *Sắc lệnh số 36*, ký ngày 22-9-1945, về việc bãi bỏ các nghiệp đoàn Nông sản, Lâm sản, Kỹ nghệ, Khoáng sản, Thương mại (Nội thương, Ngoại thương), Vận tải, Ngân hàng.

- 10- *Sắc lệnh số 37*, ký ngày 26-9-1945, quy định các địa phương thuộc thẩm quyền xét xử của các Tòa án Quân sự theo *Sắc lệnh số 33C* ngày 13-9-1945.
- 11- *Sắc lệnh số 38*, ký ngày 27-9-1945, về việc bỏ thuế môn bài và giảm phụ thu ngân sách.
- 12- *Sắc lệnh số 39*, ký ngày 26-9-1945, lập một Ủy ban dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử (gồm 9 người).
- 13- *Sắc lệnh số 40*, ký ngày 29-9-1945, về việc lập thêm một Tòa án Quân sự ở Nha Trang và quy định các địa phương thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Quân sự này.
- 14- *Sắc lệnh số 41*, ký ngày 3-10-1945, về việc bãi bỏ các công sở và các cơ quan thuộc phủ Toàn quyền Đông Dương trước đây.
- 15- *Sắc lệnh số 42*, ký ngày 4-10-1945, quy định cách tính thuế suất tiền lãi thương mại, kỹ nghệ, canh nông, lương bổng...
- 16 - *Sắc lệnh số 48*, ký ngày 9-10-1945, quy định về việc tạm thời áp dụng đạo luật cũ đối với các công ty, các hãng kỹ nghệ, thương mại ngoại quốc ở Việt Nam.
- 17- *Sắc lệnh số 50*, ký ngày 9-10-1945, về việc cấm xuất cảng thóc, gạo, ngô, đỗ hoặc các chế phẩm thuộc về ngũ cốc.
- 18- *Sắc lệnh số 43*, ký ngày 10-10-1945, về việc thiết lập một Quỹ tự trị cho Trường Đại học Việt Nam.
- 19- *Sắc lệnh số 44*, ký ngày 10-10-1945, về việc thành lập Hội đồng cổ vấn học chính.
- 20- *Sắc lệnh số 45*, ký ngày 10-10-1945, về việc thiết lập một Ban đại học Văn khoa tại Hà Nội.

21- *Sắc lệnh số 46*, ký ngày 10-10-1945, quy định thể thức tổ chức đoàn thể luật sư, những tiêu chuẩn của luật sư trong Toà thượng thẩm Hà Nội và Sài Gòn.

22- *Sắc lệnh số 47*, ký ngày 10-10-1945, về việc tạm thời sử dụng bộ luật cũ, trừ một số điểm thay đổi được ấn định trong sắc luật này.

23- *Sắc lệnh số 49*, ký ngày 12-10-1945 về việc ghi tiêu đề *Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm thứ nhất* trên các công văn, điện văn, công điện, trát, đơn từ, báo chí, chúc từ, v.v..

24- *Sắc lệnh số 51B*, ký ngày 12-10-1945 cho phép Giám đốc Ngân khố Trung ương Việt Nam trích một khoản ngân quỹ giao Bộ trưởng Bộ Cứu tế mua gạo dự trữ.

25- *Sắc lệnh số 51*, ký ngày 17-10-1945, quy định thể lệ Tổng tuyển cử, ấn định ngày 23-12-1945 sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử trong toàn quốc.

26- *Sắc lệnh số 52*, ký ngày 20-10-1945, về việc xá tội cho các tội phạm bị kết án trước ngày 19-8-1945.

27- *Sắc lệnh số 53*, ký ngày 20-10-1945, quy định tạm thời những người thuộc quốc tịch Việt Nam.

28- *Sắc lệnh số 54*, ký ngày 3-11-1945, quy định điều kiện về hưu cho công chức các ngạch.

29- *Sắc lệnh số 55*, ký ngày 3-11-1945, về việc tổ chức Hội đồng kỷ luật các viên chức ở các cơ quan và địa phương.

30- *Sắc lệnh số 56*, ký ngày 7-11-1945, uỷ nhiệm cho Bộ Quốc dân kinh tế (Nha kỹ nghệ) và Bộ Tuyên truyền kiểm soát việc sản xuất, nhập cảng và phân phối giấy, bìa trong cả nước.

- 31- *Sắc lệnh số 57*, ký ngày 10-11-1945, nghiêm cấm sản xuất, tàng trữ, tiêu thụ, mua bán rượu được chế từ ngũ cốc và mức phạt khi phạm các tội trên.
- 32- *Sắc lệnh số 58*, ký ngày 10-11-1945, về việc nghỉ gia hạn không lương cho công chức tất cả các ngạch.
- 33- *Sắc lệnh số 59*, ký ngày 15-11-1945, quy định về quyền thi thực và mức lệ phí đối với các loại khế ước.
- 34- *Sắc lệnh số 60*, ký ngày 16-11-1945, quy định về trình tự tiến hành trước Toà tại Hà Nội, Hải Phòng, Nam Bộ, Đà Nẵng.
- 35- *Sắc lệnh số 61*, ký ngày 21-11-1945, chuyển Sở Vô tuyến điện Việt Nam về Bộ Quốc phòng.
- 36 - *Sắc lệnh số 62*, ký ngày 20-11-1945, bãi bỏ Sở thương binh, chiến binh, nạn nhân chiến tranh và trẻ mồ côi thuộc địa.
- 37- *Sắc lệnh số 63*, ký ngày 22-11-1945, về tổ chức, quyền hạn, cách làm việc của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp (xã, huyện, tỉnh, kỳ).
- 38- *Sắc lệnh số 64*, ký ngày 23-11-1945, về việc thành lập và quy định quyền hạn Ban thanh tra đặc biệt và Toà án đặc biệt.
- 39- *Sắc lệnh số 65*, ký ngày 23-11-1945, quy định nhiệm vụ và quyền lợi của Đông Phương Bác Cổ học viện.
- 40- *Sắc lệnh số 66*, ký ngày 24-11-1945, về việc trưng dụng các y sĩ, dược sĩ của Chính phủ, Bộ Y tế và Quân đội.
- 41- *Sắc lệnh số 67*, ký ngày 28-11-1945, về việc thành lập và quy định nhiệm vụ của Ủy ban tối cao tiếp tế và cứu tế.
- 42- *Sắc lệnh số 68*, ký ngày 30-11-1945, về việc trưng dụng, bồi thường bất động sản và việc trưng tập người.

43- *Sắc lệnh số 69*, ký ngày 1-12-1945, quy định các cơ quan thuộc Bộ Canh nông.

44- *Sắc lệnh số 70*, ký ngày 1-12-1945, cử Bộ trưởng Bộ Lao động Lê Văn Hiến làm đặc phái viên của Chính phủ ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

45- *Sắc lệnh số 71 và 72*, ký ngày 2-12-1945, về việc bổ sung thể lệ Tổng tuyển cử.

46- *Sắc lệnh số 73*, ký ngày 7-12-1945, quy định điều kiện và thể thức đối với người ngoại quốc muốn nhập quốc tịch Việt Nam.

47- *Sắc lệnh số 74NV/CC*, ký ngày 17-12-1945, quy định chế độ lương bổng cho các nhân viên công chức mắc bệnh lao hay phong phải nghỉ việc dài hạn.

48- *Sắc lệnh số 75NV/CC*, ký ngày 17-12-1945, về việc trung tập viên chức tòng sự tại các công sở.

49- *Sắc lệnh số 76*, ký ngày 18-12-1945, hoãn ngày Tổng tuyển cử đến ngày 6-1-1946 và gia hạn nộp đơn ứng cử đến hết ngày 27-12-1945.

50- *Sắc lệnh số 77*, ký ngày 21-12-1945, về việc thành lập thành phố trực thuộc Chính phủ Trung ương, hoặc Kỳ; thị xã thuộc Kỳ hoặc tỉnh.

51- *Sắc lệnh số 77B*, ký ngày 24-12-1945, uỷ quyền cho Ủy ban nhân dân Nam Bộ xét ân giảm cho tội nhân.

52- *Sắc lệnh số 77C*, ký ngày 28-12-1945, về việc thiết lập Toà án quân sự tại Phan Thiết.

53- *Sắc lệnh số 78*, ký ngày 31-12-1945, về việc lập một Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết của Chính phủ.

54- *Sắc lệnh số 79*, ký ngày 31-12-1945, về việc tổ chức lại Bình dân Ngân quỹ tổng cục.

55- *Sắc lệnh số 80*, ký ngày 31-12-1945, về việc cử người vào Ban thanh tra đặc biệt.

56- *Sắc lệnh số 81*, ký ngày 31-12-1945, cho phép các Bộ, các địa phương thực hiện các khoản dự chi năm 1946 trong khi chờ đợi ngân sách năm 1946 được duyệt y.

NĂM 1946

57- *Sắc lệnh số 1-NV*, ký ngày 8-1-1946, ân xá cho một phạm nhân người Hoa.

58- *Sắc lệnh số 2-NV*, ký ngày 8-1-1946, ân xá cho một phạm nhân người Hoa.

59- *Sắc lệnh số 3*, ký ngày 9-1-1946, về việc triệu tập Quốc hội.

60- *Sắc lệnh số 4*, ký ngày 14-1-1946, về việc cử người vào Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết.

61- *Sắc lệnh số 5*, ký ngày 15-1-1946, huỷ bỏ quyền quản lý và sử dụng đường sắt Hải Phòng - Vân Nam của Công ty hoả xa Vân Nam.

62- *Sắc lệnh số 6*, ký ngày 15-1-1946, định hình phạt đối với các tội trộm cắp, phá huỷ, cắt dây điện thoại và điện tín.

63- *Sắc lệnh số 7*, ký ngày 15-1-1946, bổ sung chức năng và nhiệm vụ của Tòa án quân sự.

64- *Sắc lệnh số 8*, ký ngày 18-1-1946, về việc giải tán "Tổ chức Giuylơ Brêvin" (Fondation Jules Brévil).

65- *Sắc lệnh số 9*, ký ngày 18-1-1946, về việc giải tán "Hội bảo trợ phụ nữ và nhi đồng Annam" (Ligue pour la protection de la Femme et de L' Enfant Annamites).

66- *Sắc lệnh số 10*, ký ngày 23-1-1946, sửa một số điều khoản của *Sắc lệnh số 63* (22-11-1945) về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp.

67- *Sắc lệnh số 11*, ký ngày 24-1-1946, về việc chia khu đối với những thị xã lớn.

68- *Sắc lệnh số 12*, ký ngày 24-1-1946, quy định quyền hạn của ông Bộ trưởng Bộ Kinh tế.

69- *Sắc lệnh số 13*, ký ngày 24-1-1946, quy định về cách tổ chức các toà án và các ngạch thẩm phán.

70- *Sắc lệnh số 14*, ký ngày 30-1-1946, về việc thành lập Nha Thể dục trung ương.

71- *Sắc lệnh số 15*, ký ngày 30-1-1946, về việc bãi bỏ thuế thổ trạch ở thôn quê kể từ ngày 1-1-1946.

72- *Sắc lệnh số 16*, ký ngày 30-1-1946, về việc thành lập Phòng Canh nông Bắc Bộ Việt Nam.

73- *Sắc lệnh số 17*, ký ngày 31-1-1946, về việc bãi bỏ Bình dân Ngân quỹ tổng cục, quy định về việc tổ chức cơ quan và phân chia tài sản của Bình dân Ngân quỹ tổng cục.

74- *Sắc lệnh số 18*, ký ngày 31-1-1946, về thể lệ nộp lưu chiểu văn hoá phẩm.

75- *Sắc lệnh số 18B*, ký ngày 31-1-1946, về việc phát hành đồng bạc giấy Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam.

- 76- *Sắc lệnh số 19*, ký ngày 5-2-1946, về việc giải tán Ủy ban trung ương Hội Tương trợ và Cứu tế xã hội Bắc Kỳ.
- 77- *Sắc lệnh số 20*, ký ngày 6-2-1946, về việc bãi bỏ Sở kiểm soát tài chính.
- 78- *Sắc lệnh số 21*, ký ngày 14-2-1946, quy định về tổ chức của Tòa án quân sự thiết lập ở Bắc, Trung và Nam Bộ.
- 79- *Sắc lệnh số 22A*, ký ngày 18-2-1946, sửa đổi điều 65 của *Sắc lệnh số 63* (22-11-1945).
- 80- *Sắc lệnh số 22B*, ký ngày 18-2-1946, trao quyền tư pháp cho Ủy ban hành chính ở những nơi chưa có tòa án riêng.
- 81- *Sắc lệnh số 22C*, ký ngày 18-2-1946, ấn định những ngày Tết, ngày kỷ niệm lịch sử và ngày lễ tôn giáo.
- 82- *Sắc lệnh số 23*, ký ngày 21-2-1946, về việc thành lập "Việt Nam Công an vụ".
- 83- *Sắc lệnh số 24NV/CC*, ký ngày 21-2-1946, về việc cấp một tháng lương cho các công chức tình nguyện dự vào công việc tăng gia sản xuất ở Cao Bằng.
- 84- *Sắc lệnh số 25*, ký ngày 25-2-1946, sửa đổi quy định quốc tịch Việt Nam.
- 85- *Sắc lệnh số 26*, ký ngày 25-2-1946, quy định những hành vi phá hoại tài sản công bị coi là trọng tội, sẽ bị truy tố và phạt tù hoặc xử tử.
- 86- *Sắc lệnh số 27*, ký ngày 28-2-1946, quy định những hành vi bắt cóc, tống tiền, ám sát sẽ bị truy tố và phạt tù hoặc xử tử.
- 87- *Sắc lệnh số 28*, ký ngày 15-3-1946, cử ông Tạ Quang Bửu làm Thứ trưởng Quốc phòng.

88- *Sắc lệnh số 29*, ký ngày 19-3-1946, trích một khoản ở ngân sách toàn quốc để Bộ Ngoại giao chi tiêu về những công việc đặc biệt.

89- *Sắc lệnh số 30*, ký ngày 22-3-1946, bổ nhiệm Giám đốc Việt Nam Công an vụ.

90- *Sắc lệnh số 31INV/CC*, ký ngày 22-3-1946, cử ông Phạm Khắc Hoè giữ chức Đồng lý Văn phòng Bộ Nội vụ.

91- *Sắc lệnh số 32*, ký ngày 22-3-1946, bổ sung về việc phân chia tài sản của Bình dân Ngân quỹ tổng cục.

92- *Sắc lệnh số 33/QĐ*, ký ngày 22-3-1946, quy định cấp bậc, quân phục, phù hiệu, cấp hiệu cho Lục quân toàn quốc.

93- *Sắc lệnh số 34*, ký ngày 25-3-1946, quy định tổ chức của Bộ Quốc phòng.

94- *Sắc lệnh số 35*, ký ngày 25-3-1946, cử người giữ các chức vụ trong Bộ Quốc phòng.

95- *Sắc lệnh số 36*, ký ngày 27-3-1946, quy định tổ chức bộ máy hành chính của Bộ Xã hội.

96- *Sắc lệnh số 37*, ký ngày 27-3-1946, cử người giữ các chức vụ Giám đốc Nha Y tế trung ương, Giám đốc Nha Cứu tế trung ương, Giám đốc Nha Lao động trung ương, Chánh Văn phòng Bộ Xã hội.

97- *Sắc lệnh số 38*, ký ngày 27-3-1946, về việc thiết lập Nha Thanh niên và Thể dục trung ương.

98- *Sắc lệnh số 39*, ký ngày 27-3-1946, bổ nhiệm Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng.

99- *Sắc lệnh số 40*, ký ngày 29-3-1946, về những quy định, luật lệ tạm thời cho phép bắt giam những công dân có hành vi phạm pháp.

100- *Sắc lệnh số 41*, ký ngày 29-3-1946, về những quy định tạm thời cho chế độ báo chí và xuất bản.

101- *Sắc lệnh số 42*, ký ngày 3-4-1946, quy định quyền bất khả xâm phạm đối với những người giữ chức Bộ trưởng hay Thứ trưởng, Chủ tịch Ủy ban hành chính, đại biểu Quốc hội.

102- *Sắc lệnh số 43*, ký ngày 3-4-1946, về việc lập "Hội đồng phân định thẩm quyền giữa Toà án quân sự, Toà án đặc biệt và Toà án thường".

103- *Sắc lệnh số 44*, ký ngày 3-4-1946, cử người vào Ban Trung ương vận động đời sống mới.

104- *Sắc lệnh số 45*, ký ngày 5-4-1946, về việc tổ chức các cuộc lạc quyền.

105- *Sắc lệnh số 46*, ký ngày 5-4-1946, về việc lưu hành các loại giấy bạc.

106- *Sắc lệnh số 47*, ký ngày 7-4-1946, về việc Bộ Ngoại giao chia ra làm Nội bộ và Ngoại bộ.

107- *Sắc lệnh số 48*, ký ngày 10-4-1946, về việc thiết lập *Đảm phụ quốc phòng* trong cả nước.

108- *Sắc lệnh số 50*, ký ngày 13-4-1946, về tổ chức các cơ quan Bộ và thuộc Bộ của Bộ Giao thông Công chính.

109- *Sắc lệnh số 51-SL*, ký ngày 17-4-1946, về thẩm quyền của các toà án Việt Nam đối với mọi công dân.

110- *Sắc lệnh số 52*, ký ngày 22-4-1946, quy định thể thức xin lập hội (hoặc đoàn thể) của công dân Việt Nam.

111- *Sắc lệnh số 53-QP*, ký ngày 24-4-1946, bổ nhiệm người giữ chức vụ Chính trị Cục trưởng Bộ Quốc phòng.

112- *Sắc lệnh số 54*, ký ngày 24-4-1946, về việc in các tem bưu điện có chân dung Bảo Đại và Nam Phương.

113- *Sắc lệnh số 56*, ký ngày 29-4-1946, quy định quyền được nghỉ việc ngày Quốc tế Lao động 1-5 và được hưởng lương như ngày làm việc.

114- *Sắc lệnh 56B*, ký ngày 2-5-1946, tạm hoãn thời hạn những việc đăng ký quyền cầm cố ở các phòng trước bạ và điền thổ trên toàn cõi Việt Nam.

115- *Sắc lệnh số 57*, ký ngày 3-5-1946, quy định mỗi Bộ của Chính phủ Việt Nam, Bộ trưởng và Thứ trưởng có một Văn phòng, có các Nha và có thể có một cơ quan thanh tra và một Ban cố vấn.

116- *Sắc lệnh số 58*, ký ngày 3-5-1946, quy định về tổ chức và chức năng các cơ quan thuộc Bộ Nội vụ.

117- *Sắc lệnh số 59*, ký ngày 3-5-1946 cử người vào Hội đồng phúc thẩm đặt tại Bộ Nội vụ.

118- *Sắc lệnh số 60*, ký ngày 6-5-1946, về việc đổi Ủy ban kháng chiến toàn quốc thành Quân sự uỷ viên Hội.

119- *Sắc lệnh số 61*, ký ngày 6-5-1946, quy định về tổ chức của Bộ Quốc dân kinh tế.

120- *Sắc lệnh số 62*, ký ngày 8-5-1946, quy định các chức vụ của hệ thống tổ chức Bộ Canh nông.

121- *Sắc lệnh số 63*, ký ngày 8-5-1946, bổ nhiệm người phụ trách các tổ chức của Bộ Canh nông.

122- *Sắc lệnh số 64*, ký ngày 8-5-1946, quy định nhiệm vụ của Nha Lao động trung ương trong Bộ Xã hội.

123- *Sắc lệnh số 65*, ký ngày 10-5-1946, tạm hoãn thu thuế trực thu cho các tỉnh từ Khánh Hoà vào Nam.

124- *Sắc lệnh số 66*, ký ngày 10-5-1946, cử một số cán bộ cho Bộ Ngoại giao.

125- *Sắc lệnh số 67*, ký ngày 13-5-1946, cử một số cán bộ cho Bộ Quốc dân kinh tế.

126- *Sắc lệnh số 68*, ký ngày 14-5-1946, bổ sung điều khoản về việc đặt Uỷ ban hành chính khu phố và cách tiến hành bầu cử, ứng cử.

127- *Sắc lệnh số 69*, ký ngày 16-5-1946, ấn định mức thuế điền thổ và thuế đồn điền áp dụng cho Bắc Bộ.

128- *Sắc lệnh số 70*, ký ngày 22-5-1946, về việc lập Uỷ ban hộ đê trung ương.

129- *Sắc lệnh số 71*, ký ngày 22-5-1946, về việc Quân đội của nước Việt Nam là một Quân đội quốc gia.

130- *Sắc lệnh số 72*, ký ngày 24-5-1946, bãi bỏ *Sắc lệnh số 57* (10-11-1945).

131- *Sắc lệnh số 73*, ký ngày 24-5-1946, cử cán bộ cho Bộ Canh nông.

132- *Sắc lệnh số 74*, ký ngày 24-5-1946, cử cán bộ cho Bộ Giao thông Công chính.

133- *Sắc lệnh số 75*, ký ngày 29-5-1946, quy định tổ chức của Bộ Tài chính.

134- *Sắc lệnh số 76*, ký ngày 29-5-1946, sửa đổi điều khoản của *Sắc lệnh số 77* (21-12-1945) về cách tổ chức chính quyền nhân dân ở thị xã, thành phố.

135- *Sắc lệnh số 77*, ký ngày 29-5-1946, ấn định trường hợp Chủ tịch Chính phủ được phép ban hành lệnh thiết quân luật.

136- *Sắc lệnh số 78*, ký ngày 29-5-1946, ấn định mức thuế điền thổ áp dụng cho Trung Bộ.

137- *Sắc lệnh số 79*, ký ngày 29-5-1946, về việc giảm thuế điền thổ cho nhân dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên.

138- *Sắc lệnh số 80*, ký ngày 29-5-1946, bổ nhiệm Chánh văn phòng Bộ Canh nông.

139- *Sắc lệnh số 81*, ký ngày 29-5-1946, ấn định danh sách đoàn Việt Nam đi Pari.

140- *Sắc lệnh số 82*, ký ngày 29-5-1946, cử người tạm thay các chức vụ trong Chính phủ trong thời gian những người đương chức đi vắng.

141- *Sắc lệnh số 82B*, ký ngày 29-5-1946, bổ nhiệm Cục trưởng Giao thông công chính.

142- *Sắc lệnh số 83*, ký ngày 29-5-1946 bổ nhiệm một số cán bộ Bộ Nội vụ.

143- *Sắc lệnh số 84*, ký ngày 29-5-1946, cấm sử dụng các loại xe tay trong toàn cõi Việt Nam.

144- *Sắc lệnh số 84B*, ký ngày 29-5-1946, về việc tuyên dương công trạng hoặc tặng thưởng "Huy chương Quân công" những người có công trong việc giành độc lập cho nước Việt Nam.

145- *Sắc lệnh số 85*, ký ngày 30-5-1946 cử người giữ chức Chánh văn phòng Bộ Nội vụ.

146- *Sắc lệnh số 86*, ký ngày 30-5-1946, cử ông Phạm Văn Đồng làm Đoàn trưởng phái đoàn Việt Nam sang Pari thay ông Nguyễn Tường Tam vì mắc bệnh không đi được.

147- *Sắc lệnh số 87*, ký ngày 30-5-1946, cử người giữ chức Tổng thanh tra các Nha của Bộ Canh nông.

148- *Sắc lệnh số 88*, ký ngày 30-5-1946, hạn chế việc giết thịt gia súc ở Bắc Bộ.

149- *Sắc lệnh số 89*, ký ngày 30-5-1946, về việc Chính phủ Việt Nam tạm thời giành quyền tìm kiếm mỏ.

150- *Sắc lệnh số 90*, ký ngày 30-5-1946, ấn định những khu mỏ thuộc quyền sở hữu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

151- *Sắc lệnh số 203*, ký ngày 7-11-1946, cử người vào Uỷ ban liên kiểm Việt - Pháp để thi hành bản Tạm ước Việt - Pháp ngày 14-9-1946.

152- *Sắc lệnh số 204*, ký ngày 8-11-1946, quy định những quyền lợi của các đại biểu Quốc hội khi đi dự họp.

153- *Sắc lệnh số 205*, ký ngày 9-11-1946, sáp nhập liên xã Hưng Đạo thuộc phủ Thanh Hà (Hải Dương) vào huyện Kim Thành cùng tỉnh.

154- *Sắc lệnh số 206*, ký ngày 15-11-1946, sửa đổi một số điểm về việc thu đảm phụ quốc phòng đối với ngành vận tải.

155- *Sắc lệnh số 207*, ký ngày 15-11-1946, tạm thay đổi mức thuế tối thiểu và thuế tổng nội đánh vào hàng hoá nhập vào Việt Nam.

156- *Sắc lệnh số 208*, ký ngày 16-11-1946, bổ nhiệm Giám đốc Nha Dân tộc thiểu số.

157- *Sắc lệnh số 209*, ký ngày 16-11-1946, bổ nhiệm cán bộ cho Bộ Quốc phòng.

158- *Sắc lệnh số 210*, ký ngày 16-11-1946, sửa đổi điều 2 của Sắc lệnh 134 về quyền lợi của các uỷ viên Hội đồng nhân dân và uỷ viên Uỷ ban hành chính huyện, châu.

159- *Sắc lệnh số 211*, ký ngày 16-11-1946, cho phép ông Phó Đồng lý sự vụ Bộ Quốc dân kinh tế được từ chức.

160- *Sắc lệnh số 212*, ký ngày 19-11-1946, bổ nhiệm người giữ chức Thứ trưởng Bộ Y tế.

161- *Sắc lệnh số 213*, ký ngày 20-11-1946, thay người giữ chức Cục trưởng Cục Giao thông Công chính.

162- *Sắc lệnh số 214*, ký ngày 20-11-1946, bổ nhiệm Cục trưởng, Phó Cục trưởng Cục Quân huấn; Phó Cục trưởng Cục Chính trị; Tham mưu trưởng Bộ Quốc phòng; Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến miền Nam Việt Nam.

163- *Sắc lệnh số 215*, ký ngày 20-11-1946, giải tán Nha Y tế trung ương, Nha Cứu tế trung ương, Nha Lao động trung ương.

164- *Sắc lệnh số 216*, ký ngày 21-11-1946, cử ông Phạm Ngọc Thạch giữ chức Thứ trưởng Chủ tịch phủ.

165- *Sắc lệnh số 217*, ký ngày 22-11-1946, ban hành quy chế hành nghề luật sư.

166- *Sắc lệnh số 218*, ký ngày 22-11-1946, cho phép ông Đồng lý Văn phòng Bộ Canh nông được từ chức.

167- *Sắc lệnh số 219*, ký ngày 22-11-1946, cho phép ông Phó Đồng lý sự vụ Bộ Canh nông được từ chức.

- 168- *Sắc lệnh số 220*, ký ngày 26-11-1946, ấn định tổ chức và quyền hạn của Bộ Kinh tế.
- 169- *Sắc lệnh số 221*, ký ngày 27-11-1946, bổ nhiệm Đồng lý sự vụ Bộ Cứu tế xã hội.
- 170- *Sắc lệnh số 223*, ký ngày 27-11-1946, ấn định hình phạt đối với tội đưa và nhận hối lộ, biển thủ công quỹ, tài sản công cộng.
- 171- *Sắc lệnh số 224*, ký ngày 27-11-1946, đổi tên Nha, Sở, Ty Thông tin Tuyên truyền thành Nha, Sở, Ty Thông tin.
- 172- *Sắc lệnh số 225*, ký ngày 28-11-1946, bổ nhiệm giám đốc Đại học vụ, Đồng lý sự vụ và Chánh Văn phòng Bộ Quốc gia giáo dục, Tổng Thanh tra trung ương.
- 173- *Sắc lệnh số 226*, ký ngày 28-11-1946, quy định về tổ chức của Bộ Lao động và nhiệm vụ của các phòng ban trực thuộc.
- 174- *Sắc lệnh số 227*, ký ngày 28-11-1946, quy định thể lệ việc công bố các thông cáo pháp định và tư pháp.
- 175- *Sắc lệnh số 229*, ký ngày 30-11-1946, quy định các cơ quan quân sự trên toàn cõi Việt Nam đều đặt dưới quyền Bộ Quốc phòng.
- 176- *Sắc lệnh số 230*, ký ngày 30-11-1946, bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp giữ chức Tổng chỉ huy quân đội toàn quốc.
- 177- *Sắc lệnh số 1/SL*, ký ngày 20-12-1946, về việc thành lập Ủy ban bảo vệ tại các khu quân sự, các đơn vị hành chính từ cấp tỉnh trở xuống.
- 178- *Sắc lệnh số 2/SL*, ký ngày 26-12-1946, về quyền thiết quân luật của các Ủy ban kháng chiến khu.

179- *Sắc lệnh số 3/SL*, ký ngày 28-12-1946, về việc tạm hoãn các cuộc tuyển cử vào Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính và việc bổ sung người thay các uỷ viên hành chính không thể tiếp tục chức vụ cũ.

180- *Sắc lệnh số 4/SL*, ký ngày 28-12-1946, về quyền ân xá, ân giảm, phóng thích tội phạm của Ủy ban bảo vệ cấp khu.

181- *Sắc lệnh số 5/SL*, ký ngày 31-12-1946, về việc thành lập Ủy ban tản cư và di cư trung ương, Ủy ban tản cư và di cư các cấp.

Thư gửi anh em Hoa kiều

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 46'

Cùng anh em Hoa kiều,

Hơn 80 năm Việt Nam mất nước, bà con Hoa kiều bị Pháp áp bức, chẳng thiếu cách gì. Nào giấy nhập khẩu, nào thuế kiều cư, kể sao cho xiết.

Nay, thực dân Pháp gây cuộc chiến tranh, Hoa kiều bị Pháp giết người, đốt phố, lại sai thổ phỉ cướp giết lung tung.

Thế mà chúng lại khoe miệng "Bảo hộ Hoa kiều"!

Dân tộc Trung Hoa 450 triệu, Hoa kiều ở đây 50 vạn người, mà lại phải chịu bọn Pháp "bảo hộ", thật là một việc kỳ sỉ đại nhục.

Dân tộc Việt Nam, đồng văn đồng chủng. Tình nghĩa thân thiết, hơn mấy ngàn năm. Anh em Hoa kiều, làm ăn ở đây với dân Việt Nam, cũng như ruột thịt.

Vì vậy, tuy dân tộc Việt Nam đang phải kháng chiến, tình cảnh kiều bào khiến tôi động lòng.

Chính phủ Việt Nam đã hạ nghiêm lệnh, đối với Hoa kiều, tính mệnh, tài sản đều được bảo vệ.

Hoa kiều ở Huế và ở các nơi tổ chức cứu hội, giúp quân Việt Nam. Tình thân thiện đó tôi rất cảm ơn và rất cảm động.

Trong cơn hoạn nạn, Hoa Việt, anh em cảm tình càng nồng, đoàn kết càng chặt.

Mai sau kháng chiến thắng lợi, độc lập thành công, hai dân tộc ta

cùng hưởng hạnh phúc.

Việt Hoa thân thiện muôn năm!

Ngày 28 tháng 12 năm 1946

Hồ Chí Minh

Một vài ý kiến về các Ủy ban kiến thiết, động viên dân chúng, tăng gia sản xuất, Ủy ban tản cư

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 48'

1. Các Ủy ban đó tuy *phân công* để có cơ quan chuyên môn phụ trách, nhưng cần phải *hợp tác* chặt chẽ, vì có quan hệ rất mật thiết với nhau. Ban này không thể làm việc rời ban kia. Và những nhân viên lưu động cần phải làm kiêm 3 việc. Thí dụ: Khi đi ra ngoài, người phụ trách động viên dân chúng, phải xem xét việc tản cư và khuyến khích dân giúp đỡ đồng bào tản cư, đồng thời phải khuyên dân tăng gia sản xuất và bày vẽ cách tăng gia sản xuất. Nhân viên những Ủy ban kia cũng thế.
2. Vì vậy, kế hoạch của các Ủy ban cần phải ăn khớp với nhau. Những nhân viên đi các nơi phải có đủ 3 kế hoạch để giải thích cho dân.
3. Ủy ban kiến thiết, thì ngoài sự giúp ý kiến cho 3 ban kia, cần phải có kế hoạch ngoại giao và kinh tế. Nếu cần phải thoái, thì kiến thiết thế nào ? Kháng chiến thắng lợi, thì kiến thiết thế nào ?

ĐỘNG VIÊN DÂN CHÚNG

Cách làm:

- a) Phải có người đi khắp các nơi khai hội, giải thích cho dân.
Nên dùng những thanh niên hăng hái, giải thích cho họ hiểu, rồi phái họ đi làm.
- b) Truyền đơn, rất phổ thông, rất giản đơn, giải thích từng việc.
- c) Khẩu hiệu thiết thực, dán khắp các làng, viết khắp các tường.
- d) Báo, họa báo, bích báo.

e) Ca kịch - Viết những bài ca vắn, dễ hiểu, dễ thuộc lòng, phát cho dân. Diễn những bản kịch giản đơn, cảm động.

f) Khai hội dân chúng - Súc¹ các làng, các đoàn thể, phải mấy ngày khai hội dân chúng một lần. Cán bộ giải thích và kiểm điểm các việc. Dân chúng phát biểu ý kiến. Hô khẩu hiệu. Toàn dân đọc lời thề (Ủy ban phải in lời thề vắn tắt, thiết thực, cảm động, phát cho các làng).

g) Các uỷ viên phải thường đi tuần thị².

h) Các tỉnh, huyện, làng đều có một Ủy ban động viên dân chúng.

Từ huyện đến làng, Ban này có thể kiêm cả việc tản cư và tăng gia sản xuất.

Nội dung:

- Về quân sự:

1. Vì sao phải kháng chiến. Vì sao kháng chiến phải trường kỳ, phải toàn diện, phải toàn dân. Thế nào là toàn diện, thế nào là toàn dân.

2. Mỗi một người (người già, phụ nữ, thanh niên, nhi đồng) phải giúp kháng chiến cách thế nào.

3. Giữ bí mật thế nào. Đề phòng Việt gian thế nào. Đề phòng tàu bay và nhảy dù thế nào.

4. Vì sao phải ra sức phá hoại những đường sá gần chiến khu.

5. Vì sao quân ta có khi tiến, có khi thoái. Khi bộ đội tiến, dân phải giúp thế nào. Khi thoái, dân phải giúp thế nào.

6. Vì sao thấy thắng trận không nên kiêu ngạo, thấy bại trận không nên hoảng.

7. Dân có thể tổ chức du kích thế nào.

8. Vì sao kháng chiến nhất định thắng lợi.

- Về xã hội:

a) Vì sao phải đoàn kết chặt chẽ.

b) Vì sao phải giúp đỡ đồng bào tản cư. Giàu thì giúp thế nào, nghèo thì giúp thế nào.

c) Vì sao không nên tăng giá các vật liệu.

d) Vì sao phải giữ trật tự cho yên ổn, giữ cách thế nào. Canh gác nên thế nào.

- Về kinh tế:

1. Vì sao phải tăng gia sản xuất.

2. Tăng gia cách thế nào.

Nên có một đội tuyên truyền, trực tiếp dưới sự chỉ huy của Ban.

ỦY BAN TẢN CƯ

1. Kỳ, tỉnh, huyện, làng, đều phải có một Ủy ban tản cư.

- Hệ thống liên lạc dọc phải rất mật thiết.

- Trong Ủy ban phải có một vị danh vọng cao, làm chủ nhiệm, dễ kêu gọi dân.

- Trong Ban thường vụ cần có những người khéo tổ chức, nhiều sáng kiến, giỏi chạy vạy. Nên mời các thân hào, những người có danh vọng, đại biểu các giới làm uỷ viên hoặc cố vấn.

2. Công việc:

a) Điều tra - phải hỏi các nơi lập tức báo cáo rõ ràng số người có thể ở lại nơi họ đang ở bây giờ, và số người cần phải đem đi nơi khác, để cho Ủy ban kỳ phân phát đi các tỉnh.

b) Phải có kế hoạch rõ ràng, chia đến tỉnh nào mấy người tản cư:

- Kế hoạch giúp đỡ họ lúc đi đường (trạm ăn, trạm ngủ, giúp chở hành lý).

- Kế hoạch rõ cho các tỉnh phân phát huyện nào, làng nào, nhà ai nhận thu dung mấy người. Người tản cư đến tỉnh thì có chỗ đi ngay. Không thể thì người sẽ ứ lại, tỉnh và huyện không thể nuôi được.

c) Những nơi có đồn điền, Bộ Canh nông phải chuẩn bị cày cuốc và lương thực, sẵn sàng rồi thì thông tri cho Ban kỳ biết, nơi nào thu dung được mấy người để cho Ban kỳ phân phối.

d) Công nghệ - Phải khuyên và giúp những nhà tư sản tản cư, xuất vốn lập những thủ công nghệ. Họ đã có lợi, hơn là để tiền nằm không, lại giúp thu dung được một số đồng bào tản cư.

e) Khuyến khích những người tản cư, mỗi một người phải có một công việc tại nơi mình tản cư. Không để ai ngồi ăn không. Khẩu hiệu là: Tản cư cũng tham gia kháng chiến!

Số người mỗi tỉnh có thể thu dung

Những tỉnh có thể dung 2 vạn người:

Hà Đông

Vĩnh Yên

Bắc Ninh

Bắc Giang

Hải Dương

Hưng Yên

Hà Nam

Có thể dung 1 vạn người Có thể dung 5 ngàn:

Nam Định Phúc Yên

Sơn Tây Tuyên Quang

Cao Bằng Cao Bằng

Thái Nguyên Hoà Bình

Thái Bình Ninh Bình

(Cộng cả hơn 210.000 người)

Về việc tản cư, Chính phủ cần phải giúp một số tiền.

TĂNG GIA SẢN XUẤT

1. Không để 1 tác đất hoang.

- Tổ chức những đội khẩn hoang. Những đội giúp nhau cày gặt.

- Tổ chức nghĩa thương.

2. Tổ chức những hợp tác xã thủ công nghệ.

(Việc này, phải lợi dụng những kinh nghiệm năm ngoái).

Khẩu hiệu:

Tiền phương ra sức chiến đấu,

Hậu phương tăng gia sản xuất,

Tiền hậu phương đều kháng chiến.

Thì kháng chiến quyết thắng lợi!

Viết ngày 27-12-1946.

Tài liệu lưu tại Trung tâm
lưu trữ Quốc gia I.

Thư gửi đồng bào nhân ngày lễ Thiên Chúa giáng sinh

Ngày 1/6/2003. Cập nhật lúc 14^h 48'

Cùng đồng bào công giáo,

Cùng đồng bào toàn quốc,

Gần 20 thế kỷ trước, một vị thánh nhân đã ra đời. Cả đời Người chỉ lo cứu thế độ dân, hy sinh cho tự do, bình đẳng.

Trong lúc này, thực dân Pháp gây cuộc chiến tranh, chúng mong cướp nước ta lần nữa. Chúng làm trái hẳn với lòng bác ái của Đức Giêsu.

Toàn thể đồng bào ta, không chia lương giáo, đoàn kết chặt chẽ, quyết lòng kháng chiến, để giữ gìn non sông Tổ quốc, mà cũng để giữ gìn quyền tôn giáo tự do.

Nhân dịp này, tôi thay mặt Chính phủ và quốc dân trân trọng chúc phúc toàn thể đồng bào công giáo. Đồng thời tôi kính khẩn cầu Đức Thượng đế phù hộ dân tộc Việt Nam và giúp cho Việt Nam đi đến cuộc thắng lợi cuối cùng.

Thượng đế và Tổ quốc muôn năm!

Hồ Chí Minh

Bút tích lưu tại Bảo tàng
Cách mạng Việt Nam.